



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng 7 năm 2024

BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý

CỬA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ DỰ THẢO LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

1. Căn cứ công văn 2749/BTTTT-CNICT ngày 12/07/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc lấy ý kiến góp ý Hồ sơ dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số, các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, Hiệp hội đã có văn bản góp ý dự thảo Luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

Đến thời điểm gửi xin thẩm định, Bộ Thông tin và Truyền thông nhận được ý kiến 55 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong đó có: 18 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và 34 địa phương, 01 Hội và 02 doanh nghiệp.

Các cơ quan, tổ chức nhất trí hoàn toàn với nội dung, cấu trúc dự thảo Luật gồm 27 đơn vị, cụ thể: Đài tiếng nói Việt Nam; Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Thông tấn xã Việt Nam; Bộ Giao thông vận tải; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Đài Truyền hình Việt Nam; Bạc Liêu; Bình Phước; Bến Tre; Quảng Ngãi; Đồng Tháp; Cà Mau; Hà Giang; Hải Phòng; Trà Vinh; Sơn La; Tiền Giang; Hưng Yên; Điện Biên; Tuyên Quang; Quảng Bình; Cao Bằng; Đắk Nông; Hà Nam; Tây Ninh; Thừa Thiên Huế; Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
I		CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Bộ Quốc Phòng	a) Tại Điều 3 (Giải thích từ ngữ): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung giải thích về “Dịch vụ công nghệ số”.	Tiếp thu Tại Điều 3 và khoản 2 Điều 7 đã đưa ra khái niệm về “Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số” và “hoạt động cung cấp dịch vụ công nghệ”
	Bộ Quốc Phòng	b) Tại khoản 2 Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh): Nghiên cứu, chỉnh lý và viết lại như sau: “Luật này không quy định về hoạt động sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số cho mục đích quốc phòng, an ninh, hoạt động cơ yếu để báo vệ thông tin bí mật nhà nước”. Lý do: Lĩnh vực cơ yếu ngoài hoạt động bảo vệ thông tin bí mật nhà nước mang tính chất đặc thù thì còn các hoạt động khác thuộc lĩnh vực mật mã dân sự, chử ký số chuyên dùng công vụ... nằm trong phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số.	Giải trình Dự thảo Luật đã quy định “Luật này không quy định về hoạt động sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh, cơ yếu” đã loại trừ các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số cho mục đích quốc phòng, an ninh cơ yếu.
	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đề nghị đưa vào phần giải thích từ ngữ và làm rõ các khái niệm “nhân lực công nghiệp công nghệ số”, “nhân lực công nghệ số”, sự khác nhau so với nhân lực CNTT, nhân lực chuyển đổi số ... làm cơ sở để xây dựng các chính sách thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực của Luật Công nghiệp công nghệ số. Hiện tại trong dự thảo Luật cũng chưa nhất quán trong việc sử dụng “nhân lực công nghiệp công nghệ số” và “nhân lực công nghệ số” (Điều 4 đề cập đến “nhân lực công nghiệp công nghệ số” còn toàn	Tiếp thu đã đưa vào dự thảo Luật khái niệm nhân lực công nghệ số tại Khoản 1, Điều 32 dự thảo Luật và thống nhất sử dụng nhân lực công nghệ số trong toàn bộ dự thảo

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		bộ Mục 6 đề cập đến “nhân lực công nghệ số”).	
	Bộ Xây dựng	Đề nghị bổ sung khái niệm về “tài sản số” vào Điều 3. Giải thích từ ngữ. Quy định cụ thể, chi tiết hơn về “tài sản số” tại Điều 8. Tài sản số. Hiện nay, tài sản số được biết đến dưới nhiều hình thức khác nhau như tiền ảo (BTC), việc sở hữu tên miền, chứng khoán, các bản vẽ thiết kế hay video clip... được hình thành trong quá trình phát triển của công nghiệp công nghệ số và đều có giá trị. Vì vậy, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo cần nhắc tới các quy định nhằm bảo vệ chủ sở hữu các dạng tài sản số nêu trên.	Giải trình Điều 3 Giải thích từ ngữ áp dụng cho nhiều thuật ngữ được sử dụng nhiều trong xuyên suốt dự thảo Luật nhằm đảm bảo tính thống nhất, dễ hiểu. Tài sản số hiện nay chỉ quy định tại Điều 8 nhằm xác định một loại hình tài sản mới được tạo ra bởi công nghệ số và có giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan xây dựng chính sách quản lý đối với loại hình tài sản này. Do vậy, việc quy định Tài sản số tại Điều 8 (Điều riêng) là phù hợp.
	Bộ Tài nguyên môi trường	Điều 3, đề nghị rà soát, bổ sung giải thích các từ ngữ như: Thương hiệu ngành công nghiệp công nghệ số; sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thân thiện môi trường;...	Giải trình Từ ngữ “thương hiệu” đã được nhắc đến trong Luật Quản lý ngoại thương và trong Nghị định 28/2018/NĐ-CP đã có quy định về xây dựng phát triển thương hiệu ngành hàng Việt Nam. Do đó, thuật ngữ thương hiệu không nên nhắc đến tại Luật này. Tiếp thu Đã bổ sung khái niệm “sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thân thiện môi trường” phù hợp với pháp luật về môi trường

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Về các khái niệm (Điều 3), đề nghị làm rõ khái niệm “công nghệ số” và các nội hàm liên quan, tránh trùng lặp với Luật Công nghệ cao; làm rõ các “hoạt động công nghiệp công nghệ số”.	Tiếp thu Đã làm rõ khái niệm công nghệ số, và các nội hàm liên quan;
	Bộ Công an	Khoản 2 Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh) có quy định “Luật này không quy định về hoạt động sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số cho mục đích quốc phòng, an ninh, cơ yếu”. Tuy nhiên, trên thực tế, một số sản phẩm công nghệ số, sản phẩm bán dẫn trong lĩnh vực dân sự có tính lưỡng dụng và có thể được sử dụng phục vụ hoạt động quốc phòng, an ninh, cơ yếu. Do đó, đề nghị cân nhắc việc không loại trừ hoạt động sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số để phục vụ hoạt động quốc phòng, an ninh, cơ yếu. Đồng thời, bổ sung quy định trong dự thảo Luật việc phân định rõ sản phẩm, dịch vụ công nghệ số và sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh cho rõ ràng để bảo đảm thuận lợi khi áp dụng	Tiếp thu Trong dự thảo đã điều chỉnh trong Phạm vi của luật chỉ loại trừ các sản phẩm “chuyên dùng”, cụ thể “Luật này không quy định về hoạt động sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh, cơ yếu”
	Bộ Công an	Tại khoản 6 Điều 3 (Giải thích từ ngữ) đang định nghĩa “Dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số là dữ liệu số liên quan trực tiếp đến hoạt động công nghiệp công nghệ số”. Tuy nhiên, trong Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và dự thảo Luật Dữ liệu do Bộ Công an chủ trì soạn thảo đã có quy định giải thích thuật ngữ	Giải trình Dự thảo Luật chỉ quy định đối với “Dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số” và không quy định chung đối với dữ liệu số và trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật về dữ liệu (theo Luật Dữ liệu nếu có sau này)

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Bộ Tài chính (bản dự thảo)	“dữ liệu số”, “dữ liệu”, do đó, đề nghị lược bỏ nội dung giải thích đối với các thuật ngữ này	
		Tại dự thảo Luật quy định một số cụm từ không rõ về nội hàm có thể dẫn đến vướng mắc, nhiều cách hiểu trong thực hiện. Do vậy, đề nghị Ban soạn thảo rà soát, bổ sung giải thích từ ngữ, ví dụ: “hoạt động CNCNS”, “dịch vụ công nghệ số”,	Giải trình Dự thảo đã có các quy định về các “Loại hình hoạt động công nghiệp công nghệ số” tại Điều 7; “sản phẩm, dịch vụ công nghệ số” tại Điều 3.
	Bộ Tài chính (bản dự thảo)	Đề nghị làm rõ sự khác nhau về nội hàm của khái niệm “công nghệ số”, “CNCNS” (quy định tại Điều 3 dự thảo Luật CNCNS) và “công nghệ cao”, “công nghiệp công nghệ cao” (quy định tại Điều 3 Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc hội) để tránh vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Luật, do một số lĩnh vực công nghệ số tại dự thảo Luật CNCNS đã được quy định tại pháp luật về công nghệ cao. Ví dụ: Công nghệ trí tuệ nhân tạo, công nghệ internet kết nối vạn vật, điện toán đám mây,... thuộc danh mục công nghệ cao tại Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển và được quy định chính sách ưu tiên phát triển tại Điều 4, Điều 5 Luật công nghệ cao số 21/2008/QH12. Tuy nhiên, tại dự thảo Luật CNCNS, các nội dung	Giải trình Công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực công nghệ cao. Công nghệ số bao gồm công nghệ thông tin và công nghệ số mới là sự phát triển tiếp theo của công nghệ thông tin do đó việc có một số nội dung và công nghệ số có sự trùng lặp với công nghệ cao như AI, IoT...

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý nêu trên đang được quy định thuộc công nghệ số	Tiếp thu, giải trình
	Bắc Giang	1. Về khái niệm: Có một số định nghĩa và giải thích từ ngữ không nằm trong Điều 3 mà được đặt ở các điều khác. Cụ thể như sau: Điều 8, khoản 1: Định nghĩa "Tài sản số" Điều 21: Định nghĩa "Dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số" Điều 25, khoản 1: Định nghĩa "Phi cá nhân hóa dữ liệu số" Điều 28, khoản 1: Giải thích về "Thông minh hoá các ngành, lĩnh vực" Điều 34, khoản 1: Định nghĩa "Nhân lực công nghệ số chất lượng cao" Điều 35, khoản 1: Định nghĩa "Nhân tài công nghệ số" Điều 36, khoản 1: Giải thích về "Khung năng lực số" Điều 37, khoản 1: Định nghĩa "Chuẩn kỹ năng cho nhân lực công nghệ số chuyên nghiệp" Điều 65, khoản 1: Giải thích về "Cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số" Điều 78, khoản 1: Định nghĩa "Hệ thống trí tuệ nhân tạo" Việc đặt các định nghĩa và giải thích từ ngữ ở các điều khác nhau có thể gây khó khăn trong việc tìm kiếm và hiểu các khái niệm. Đề tăng tính nhất quán và dễ tra cứu, kiến nghị Bộ	Giải trình - Thuật ngữ "dữ liệu số" đã được định nghĩa tại Điều 3. Theo đó "Dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số" chỉ đưa ra phân loại để xác định "dữ liệu số" trong ngành công nghiệp công nghệ số nên không phải là định nghĩa, khái niệm. - Một số thuật ngữ, cụm từ chỉ được sử dụng trong 01 Điều, Mục và không được sử dụng nhiều lần do vậy không đưa lên Điều 3 để tạo thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật. Như: phi cá nhân hóa dữ liệu số, nhân tài công nghệ số, thông minh hóa các ngành, lĩnh vực... - Về khái niệm "cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số": cơ chế thử nghiệm chỉ liên quan đến mục về cơ chế thử nghiệm do vậy để trong một Mục là phù hợp.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		Thông tin và Truyền thông xem xét chuyển các định nghĩa và giải thích từ ngữ này vào Điều 3.	
	Kon Tum	Tại Điều 5 của dự thảo Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thêm 1 khoản để đầy đủ nội dung bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động công nghiệp công nghệ số hiện nay, cụ thể như sau: "Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với công tác đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động công nghiệp công nghệ số"	Giải trình Hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin nói chung và trong công nghiệp công nghệ số nói riêng là công việc được thực hiện thường xuyên, mang tính thúc đẩy nhiều hơn quy phạm. Hiện tại, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 1907/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 Phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025" để thực hiện tổng thể các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng, để đẩy mạnh thêm công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin trong công nghiệp công nghệ số, cơ quan chủ trì có thể nghiên cứu, bổ sung, cập nhật vào văn bản Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phù hợp với giai đoạn sắp tới
	Gia Lai	- Tại khoản 1, Điều 3. Giải thích từ ngữ "thực tại ảo/thực tại tăng cường" và các mục có liên quan đề nghị sửa lại thành "thực tế ảo/thực tế tăng cường" để thống nhất về mặt từ ngữ với Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày	Tiếp thu, đã chỉnh lý trong dự thảo Luật

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.	
	Phú Yên	1. Về giải thích từ ngữ tại Điều 3 cần làm rõ các khái niệm, không dùng khái niệm chưa rõ để giải thích, nghiên cứu dùng từ ngữ phổ thông để hiểu.	Tiếp thu
	Hòa Bình	2. Đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng xem xét, chỉnh sửa một số nội dung như sau: - Điều chỉnh “thực tại ảo/thực tế tăng cường” thành “thực tế ảo/thực tế tăng cường” tại khoản 1 Điều 3. Giải thích từ ngữ và các mục có liên quan để thống nhất về mặt từ ngữ với Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.	Tiếp thu
	Lai Châu	- Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, hiệu chỉnh lại số thứ tự các khoản tại Điều 4 “Chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số” (có 02 khoản 4).	Tiếp thu Đã chỉnh sửa lại kỹ thuật soạn thảo.
	Lạng Sơn	1. Điều 4: đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh sửa lại số thứ tự các khoản tại Điều này do tại dự thảo có 02 khoản 4.	Tiếp thu Đã chỉnh sửa lại kỹ thuật soạn thảo.
	Tập đoàn công nghiệp viên	Trên thực tế, nhiều sản phẩm và dịch vụ công nghệ số sẽ có tính lưỡng dụng (phục vụ cho cả	Tiếp thu Điều chỉnh phạm vi tại Khoản 2 Điều 1 như

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Thông quan đội (Viettel)	mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh và dân sự). Hiện dự thảo luật Công nghiệp Quốc phòng, An ninh và động viên công nghiệp cũng có đề cập đến Công nghệ lưỡng dụng. Đề nghị trong phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật công nghiệp công nghệ số có bao gồm các sản phẩm và dịch vụ công nghệ số có tính lưỡng dụng.	sau: "Luật này không quy định về hoạt động sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh, cơ yếu"
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quan đội (Viettel)	-Đề nghị bổ sung Khoản 1: Công nghệ số bao gồm công nghệ thông tin và các công nghệ mới, nhưng không giới hạn bởi công nghệ 5G, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối, thực tại ảo/thực tại tăng cường để số hoá thể giới thực, thu thập, lưu trữ, truyền đưa, xử lý thông tin và dữ liệu số phục vụ chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong tất cả lĩnh vực. Khoản 3: Sản phẩm công nghệ số bao gồm sản phẩm công nghệ thông tin và các sản phẩm công nghệ mới, nhưng không giới hạn bởi sản phẩm công nghệ 5G, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối, thực tại ảo/thực tại tăng cường để số hoá thể giới thực, thu thập, lưu trữ, truyền đưa, xử lý thông tin và dữ liệu số. Khoản 10: Doanh nghiệp công nghệ số là doanh nghiệp thực hiện một trong các hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung	Giải trình Công nghệ 5G chỉ là một công nghệ viên thông trong một giai đoạn sắp sửa được thay thế bởi các công nghệ mạng thế hệ tiếp theo.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		cấp dịch vụ công nghệ số, nghiên cứu, thiết kế, phát triển, ứng dụng... công nghệ số. Khoản 11: Dịch vụ công nghệ số là dịch vụ có liên quan đến công nghệ số, sản phẩm công nghệ số. Lý do: - Bổ sung cụm từ "" công nghệ 5G"" vào trước tất cả cụm nội dung ""trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối, thực tại ảo/thực tại tăng cường"" nhằm đảm bảo phù hợp, thống nhất với cơ sở thực tiễn (Công nghệ số là sự phát triển tiếp theo của CNTT, có thể xem là CNTT cộng thêm 6 công nghệ mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (5G, IoT, AI, Big Data, Cloud, Blockchain) nêu tại mục I.2.1 trong Tờ trình. - Bổ sung định nghĩa "doanh nghiệp công nghệ số" do trong toàn bộ nội dung Dự thảo, một số điều nhằm đến cụm từ này nhưng chưa có định nghĩa rõ ràng. - Bổ sung định nghĩa "dịch vụ công nghệ số": Trong toàn bộ nội dung dự thảo có đề cập đến cụm từ "sản phẩm, dịch vụ công nghệ số". Điều 3.3 của Dự thảo đã có giải thích về thuật ngữ "Sản phẩm công nghệ số", tuy nhiên chưa có nội dung định nghĩa thuật ngữ "Dịch vụ công nghệ số".	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề xuất: bổ sung thị trường công nghiệp công nghệ và Dữ liệu số (bổ sung dữ liệu số)	Giải trình Nội dung phát triển thị trường dữ liệu số theo quy định pháp luật về dữ liệu.
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Khoản 5: Cung cấp, sử dụng sản phẩm công nghệ số vào mục đích lôi kéo, lừa đảo, phân biệt đối xử, xâm phạm quyền riêng tư, xâm phạm lợi ích của tổ chức, cá nhân. Lý do: Do hệ thống trí tuệ nhân tạo là một loại sản phẩm công nghệ số nên các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công nghiệp, công nghệ số cần được áp dụng chung đối với toàn bộ sản phẩm công nghệ số.	Tiếp thu
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề xuất: Hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ công nghệ số (bổ sung sản phẩm)	Giải trình Hoạt động công nghiệp công nghệ số chỉ bao gồm "sản xuất sản phẩm công nghệ số" và "cung cấp dịch vụ công nghệ số".
	Hội truyền thông số	Đổi tượng áp dụng, đề nghị quy định rõ "Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hoặc có liên quan đến công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam".	Giải trình Việc sử dụng cụm từ "tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến công nghiệp công nghệ số" đã bao gồm trong và ngoài nước. Do đó, không cần quy định thêm cụm từ "trong và ngoài nước".
II		CHƯƠNG II. HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ VÀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Giải trình	Tiếp thu, giải trình
CHƯƠNG II. HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ CÔNG NGHỆ SỐ VÀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du Lịch	Đề nghị xem xét bổ sung các quy định pháp lý về quyền, nghĩa vụ của các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với các tài sản số, dữ liệu số (tài khoản trực tuyến, tài khoản mạng xã hội, thư điện tử, nội dung số, tên miền...), cũng như các quy định về quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ tài sản số trên môi trường mạng	Giải trình Trong dự thảo Luật đã phân cấp và giao nhiệm vụ cho các bộ, ngành liên quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chính sách quản lý và thực hiện theo các pháp luật chuyên ngành	
	Bộ Xây dựng	Đề nghị điều chỉnh nội dung của khoản 1 Điều 7 như sau: “1. Hoạt động công nghệ sản xuất sản phẩm công nghệ số bao gồm: công nghệ sản xuất sản phẩm phần cứng; công nghệ sản xuất sản phẩm phần mềm; công nghệ sản xuất sản phẩm nội dung số và công nghệ sản xuất sản phẩm công nghệ mới quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật này.”	Tiếp thu Đã chính xác hóa lại điều khoản dẫn chiếu trong Dự thảo.	
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Rà soát lại nội dung “công nghệ sản xuất sản phẩm công nghệ mới quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật này” (khoản 1, Điều 7) do nội dung tại khoản 4, Điều 3 quy định về doanh nghiệp công nghệ số.	Tiếp thu Đã chính xác hóa lại điều khoản dẫn chiếu trong Dự thảo.	
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Làm rõ “tài sản số” (Điều 8) là một sản phẩm công nghệ số hay sản phẩm công nghệ riêng cần các quy định tương ứng.	Giải trình Khoản 1 Điều 8 quy định tài sản số là sản phẩm công nghệ số.	
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Về các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm/trọng yếu (Điều 10, 11), đề nghị thuyết minh rõ mục đích đặt ra, kết quả cuối cùng; và xem xét, tránh trùng lặp với các sản phẩm	Giải trình - Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm là sản phẩm, dịch vụ công nghệ số: Thị trường trong nước có nhu cầu lớn và có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao; Thị trường thế giới đang	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		công nghệ cao được khuyến khích phát triển (theo các quy định tại Luật Công nghệ cao).	có nhu cầu và có tiềm năng xuất khẩu; Có tác động tích cực, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, mạnh mẽ các ngành kinh tế. - Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu là các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được sử dụng và cung cấp trong lãnh thổ Việt Nam, có vai trò quan trọng, tác động lớn đến lợi ích quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, năng lực công nghệ quốc gia. Nhà nước sẽ có những cơ chế chính sách ưu đãi và quản lý phù hợp đối với 02 loại sản phẩm, dịch vụ này đặc thù hơn so với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số khác.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Về việc bán, xuất khẩu, chuyển giao sản phẩm, dịch vụ công nghệ số cho đối tác nước ngoài (khoản 4, Điều 11), xem xét chỉnh sửa phù hợp với các quy định của Luật Quản lý ngoại thương hoặc Luật Chuyển giao công nghệ.	Giải trình Các quy định của Luật Quản lý ngoại thương hoặc Luật Chuyển giao công nghệ chưa quy định cụ thể về vấn đề bán, xuất khẩu, sản phẩm công nghệ số có khả năng tác động lợi ích quốc gia cho đối tác nước ngoài.
	Bộ Công an	Tại điểm b khoản 2 Điều 7 quy định về hoạt động dịch vụ thu thập, lưu trữ, kinh doanh, khai thác, phân tích, xử lý và các hoạt động khác liên quan đến dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số. Đây là hoạt động dịch vụ liên quan đến dữ liệu, thuộc phạm vi điều chỉnh của dự án Luật Dữ liệu đã được Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất thông qua đề nghị xây dựng Luật; do vậy, đề nghị lược bỏ nội dung này khỏi dự thảo	Giải trình Dịch vụ "hoạt động dịch vụ thu thập, lưu trữ, kinh doanh, khai thác, phân tích, xử lý và các hoạt động khác liên quan đến dữ liệu số" được xác định là một hoạt động cung cấp dịch vụ công nghệ số. Tuy nhiên, hoạt động này phải tuân thủ các pháp luật liên quan khác (như pháp luật về dữ liệu).

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		Luật. Trường hợp cần thiết cần quy định rõ các hoạt động dịch vụ liên quan đến dữ liệu số thì đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến để bổ sung vào dự án Luật Dữ liệu cho đầy đủ.	
	Bộ Công an	Tại khoản 1 các điều 8, 9, 10, 11 dự thảo Luật quy định chủ yếu mang tính giải thích từ ngữ về tài sản số, sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước,... Do đó, đề nghị chuyển các nội dung này sang Điều 3 quy định về giải thích từ ngữ thì phù hợp hơn.	Giải trình Điều 3 Giải thích từ ngữ áp dụng cho nhiều thuật ngữ được sử dụng nhiều trong xuyên suốt dự thảo Luật nhằm đảm bảo tính thống nhất, dễ hiểu. Tài sản số hiện nay chỉ quy định tại Điều 8 nhằm xác định một loại hình tài sản mới được tạo ra bởi công nghệ số và có giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan xây dựng chính sách quản lý đối với loại hình tài sản này. Tương tự, sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước; sản phẩm công nghệ số trọng điểm; sản phẩm công nghệ số trọng yếu chỉ quy định tại các Điều tương ứng. Do vậy, việc quy định như tại dự thảo là phù hợp.
	Bộ Công an	Tại khoản 1 Điều 8 (Tài sản số) có định nghĩa tài sản số là “sản phẩm công nghệ số được tạo ra, phát hành, lưu trữ, chuyển giao và xác thực quyền sở hữu bằng công nghệ chuỗi khối, mà con người có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan”. Tuy nhiên, nội dung này chưa thống nhất với quy định tại Điều 105 Bộ Luật Dân sự năm	Giải trình Theo khoản 1 Điều 105 của Bộ Luật Dân sự: “Tài sản số là vật, tiền, giấy tờ và quyền tài sản”. Do đó, tài sản số tham chiếu đến quyền tài sản và phù hợp với quy định của Bộ Luật Dân sự.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		2015 về tài sản (Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai). Do vậy, đề nghị xác định rõ tài sản số là loại tài sản nào và chính lý quy định tại dự thảo Luật cho phù hợp với quy định nêu trên của Bộ Luật Dân sự năm 2015	
	Bộ Tài chính (bản dự thảo)	Về quy định hướng dẫn chi tiết các Điều, Khoản tại Luật: Tại khoản 4 Điều 9 dự thảo quy định “Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết khoản 2 Điều này; thủ tục xác định sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm và công bố Danh mục sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm”. Đề nghị Bộ TTTT căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật dự thảo đúng quy định (cấp Bộ có thẩm quyền quy định chi tiết các điều khoản trong Luật không).	Giải trình Căn cứ khoản 1 Điều 24 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thông tư của Bộ trưởng được " Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ. "
	Bộ Tài chính (bản dự thảo)	- Tài khoản 2, Điều 8 dự thảo có quy định “Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các bộ, ngành ban hành hoặc xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định quản lý tài sản số, tổ chức cung ứng dịch vụ tài sản số”. Đối với nội dung này, đề nghị chuyển Bộ TTTT chủ trì do Bộ TTTT là đơn vị quản lý nhà nước về lĩnh vực CNTT, công nghiệp công	Giải trình Theo Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 23/2/2024 của TTCP, Bộ Tài chính được giao nhiệm vụ (Hành động 6): - Xây dựng khung pháp lý đối với VAs và VASPs (tài sản ảo và các tổ chức cung ứng dịch vụ tài sản ảo) và chứng minh việc thực thi khung pháp lý đó, bao gồm: (i) nâng cao hiệu

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		nghệ thông tin và chuyển đổi số quốc gia (Bộ Tài chính chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài sản công theo quy định của pháp luật).	biết của cơ quan quản lý, giám sát hiệu rõ rệt trong lĩnh vực này; (ii) đào tạo, phổ biến nâng cao hiểu biết, nghĩa vụ của VASP về PCRT/TTKB/TPBVKHDHL. - Có các biện pháp xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật. Đồng thời, căn cứ kinh nghiệm quốc tế thì các vấn đề vướng mắc về tài sản số tập trung chủ yếu lĩnh vực tài chính, chứng khoán. Do đó, Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì là phù hợp với chỉ đạo của TTCP và thực tế phát triển công nghệ trong lĩnh vực tài chính.
	Bộ Tài chính (bản dự thảo)	Đề nghị Bộ TTTT rà soát, cập nhật các điều khoản tham chiếu trong dự thảo Luật. Ví dụ: Khoản 1, Điều 7 quy định về hoạt động công nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ số có tham chiếu đến Khoản 4 Điều 3, tuy nhiên khoản 4 Điều 3 giải thích Doanh nghiệp công nghệ số là gì. Tương tự như vậy tại điểm a, khoản 2, Điều 7,...	Tiếp thu Đã chính xác hóa các dẫn chiếu trong dự thảo Luật
	Bộ Công Thương	Tại Điều 8 dự thảo quy định "Tài sản số là sản phẩm công nghệ số được tạo ra, phát hành, lưu trữ, chuyển giao và xác thực quyền sở hữu bằng công nghệ chuỗi khối, mà con người có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan." - Đề nghị làm rõ khái niệm "công nghệ chuỗi khối". - Theo dự thảo, tài sản số là tài sản thuộc sở	Tiếp thu và giải trình - Công nghệ chuỗi khối được xác định là một loại công nghệ số đã được liệt kê tại khoản 1 Điều 3. Dự thảo Luật có quy định giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng quy định quản lý đối với loại hình tài sản này. Do đó, căn cứ theo quy định tại Luật, dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật sẽ quy định chi tiết về công nghệ chuỗi khối

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		hữu của cá nhân (con người sở hữu). Tuy nhiên, dự thảo lại giao cho các bộ, ngành ban hành hoặc xây dựng trình cấp có thẩm quyền quản lý tài sản số liên quan đến tài sản số trong ngành, lĩnh vực phụ trách, phù hợp với điều kiện thực tế. Do vậy, đề nghị rà soát lại dự thảo, đảm bảo thống nhất.	nhằm đảm bảo tính linh hoạt, phù hợp trong bối cảnh công nghệ số có sự phát triển rất nhanh chóng. - Tuy theo yêu cầu thực tế phát triển, Khoản 3 Điều 8 chỉ quy định với mục tiêu giao các bộ ngành trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực do mình có trách nhiệm ban hành quy định quản lý tài sản số trong trường hợp có ảnh hưởng đến phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực do mình phụ trách
Bộ Công Thương		Về sản phẩm được nghiên cứu, thiết kế, phát triển, sản xuất tại Việt Nam Tại Điều 9 dự thảo Luật, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ: - Tiêu chí để xác định "sản phẩm được nghiên cứu, thiết kế, phát triển, sản xuất tại Việt Nam". - Theo khoản 7 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng: "Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan ban hành Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước đã sản xuất được để làm cơ sở phân biệt với loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; . kinh doanh, để cho thuê và cho thuê lại". Do vậy, đề nghị rà soát, nghiên cứu "sản phẩm	Tiếp thu, giải trình: - Về tiêu chí: dự thảo đã điều chỉnh chỉ quy định sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sản xuất trong nước phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước và các dự án, nhiệm vụ chỉ sử dụng ngân sách nhà nước và các tiêu chí cụ thể sẽ được quy định trong Văn bản dưới Luật để bảo đảm ban hành phù hợp với điều kiện thực tế trong từng giai đoạn phát triển của công nghệ số. - Về ban hành Danh mục: Đây là danh mục để được ưu tiên đầu tư mua sắm trong cơ quan nhà nước, khác với danh mục Bộ KHĐT ban hành. Danh mục Bộ KHĐT ban hành sẽ là một trong những thông tin, cơ sở để lựa chọn các sản phẩm đạt tiêu chí để được ưu tiên. Do đó, sẽ không bị chồng chéo với Bộ KHĐT.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		công nghệ số" đã được quy định tại Danh mục trên chưa? Trường hợp chưa/đã được quy định thì có khả năng bị chồng chéo Danh mục, thẩm quyền của các Bộ hay không? Về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu và trọng điểm Dự thảo Luật đang phân tách các tiêu chí khác nhau để xác định sản phẩm dịch vụ công nghệ số nào là trọng yếu và trọng điểm tại Điều 10 và Điều 11. Tuy nhiên, toàn bộ dự thảo Luật lại chưa có nội dung về ưu đãi riêng biệt đối với 2 loại hình sản phẩm này. Cụ thể, ưu đãi về tín dụng tại Điều 19, ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân tại Điều 34, ưu đãi về nghiên cứu phát triển và sản xuất sản phẩm mẫu tại Điều 59 đều áp dụng chung cho cả 2 loại hình sản phẩm, dịch vụ trọng yếu và trọng điểm. Theo đó, Bộ Công Thương kiến nghị như sau: - Đề nghị quy định các tiêu chí mang tính định lượng để xác định sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu, trọng điểm. - Đề nghị có các quy định riêng biệt các ưu đãi (các quyền) cho 2 loại hình sản phẩm, dịch vụ này. - Bên cạnh các ưu đãi cho loại hình trên, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bổ sung nghĩa vụ cho chủ thể sản xuất, cung cấp, vận hành loại hình sản phẩm, dịch vụ trên do các sản phẩm, dịch vụ này đều có tác động lớn	
	Bộ Công Thương		Giải trình Dự thảo Luật chỉ đưa ra một số nguyên tắc về tiêu chí sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu, trọng yếu. Việc quy định chi tiết sẽ giao Chính phủ quy định. Việc sản xuất các sản phẩm trọng điểm, trọng yếu đều có các cơ chế ưu đãi trong Luật. Riêng đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu đã có các quy định về trách nhiệm khi mua bán, chuyển giao các sản phẩm này cho đối tác nước ngoài.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		đến KTXH và người sử dụng sản phẩm, dịch vụ.	
	Phú Thọ	Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự thảo Sở Thông tin và Truyền thông cơ bản nhất trí với dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số và có ý kiến như sau: Nội dung tại khoản 1 và điểm a, khoản 2 Điều 7 có trích dẫn "... sản phẩm công nghệ mới quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Luật này". Tuy nhiên, khi tham chiếu đến khoản 3, khoản 4 Điều 3, không có quy định về sản phẩm công nghệ mới. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung quy định cụ thể các nội dung về sản phẩm công nghệ mới.	Giải trình: sản phẩm công nghệ mới, nhưng không giới hạn bởi trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối, thực tại ảo/ thực tại tăng cường
	Phú Yên	2. Tại Điều 7 có dẫn chiếu Điều 3 cần được làm rõ	Tiếp thu Đã chỉnh lý, chính xác hóa phần dẫn chiếu tại Điều 7.
	Phú Yên	3. Tại Điều 8 về "tài sản số" cần nghiên cứu bổ sung thêm một số loại tài sản chưa được định nghĩa và liệt kê: phần mềm, dữ liệu, sản phẩm số,...	Giải trình Dự thảo chỉ đưa ra định nghĩa chung về tài sản số chưa đưa ra phân loại cụ thể.
	Phú Yên	4. Tại khoản 4 Điều 9 và khoản 3 Điều 10 nên giao Chính phủ cụ thể hóa vì liên quan nhiều ngành.	Tiếp thu một phần Dự thảo đã bổ sung trách nhiệm phối hợp của các Bộ, ngành có liên quan. Thực tế, Danh mục này cũng đã được Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì công bố theo quy định tại Điều 50 Luật Công nghệ thông tin.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Giải trình	Tiếp thu, giải trình
	Cần Thơ	1. Giải thích rõ hơn khái niệm “tài sản số” và sự liên quan đến các Bộ Luật, Luật khác đã ban hành Đối với khái niệm “tài sản số”: vì là tài sản sẽ liên quan đến quyền sở hữu và chủ sở hữu tài sản; đồng thời cũng liên quan đến Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Hình sự, Luật sở hữu trí tuệ, ...; Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nên giải thích rõ hơn và nghiên cứu về việc có sự sửa đổi các Bộ Luật và Luật liên quan vấn đề tài sản số hay không. Ngoài ra, khi phân xử vấn đề tài sản số, nhất là tài sản được sinh ra bởi trí tuệ nhân tạo, thì nhất thiết phải có lực lượng cảnh sát số hoặc công cụ để xử lý, lúc này con người không thể nào xử lý kịp thời.	Tài sản số là một loại tài sản theo quy định tại Điều 105, khoản 2 Điều 107 và quyền sở hữu tại Điều 158 của Bộ luật Dân sự. Đồng thời, căn cứ kinh nghiệm quốc tế được tạo nên bởi công nghệ số (blockchain, distributed ledger). Dự thảo Luật đã quy định Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chính sách quản lý loại hình này.	
	Lai Châu	- Nội dung tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 7: có trích dẫn “... sản phẩm công nghệ mới quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Luật này”. Tuy nhiên, khi tham chiếu đến khoản 3, khoản 4 Điều 3, không có quy định về sản phẩm công nghệ mới. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung quy định cụ thể các nội dung về sản phẩm công nghệ mới.	Tiếp thu Đã hiệu chỉnh lại dẫn chiếu chính xác.	
	Lạng Sơn	2. Khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 7: dự thảo quy định “... sản phẩm công nghệ mới quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Luật này”, tuy nhiên, tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 không có quy định về sản phẩm công nghệ mới. Đề	Tiếp thu Đã hiệu chỉnh lại dẫn chiếu chính xác.	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		ngợi cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh sửa lại cho phù hợp.	
	Tổng công ty viễn thông Mobifone	Nội dung "...xác thực quyền sở hữu bằng công nghệ chuỗi khối" đang được hiểu rằng chỉ công nhân tài sản số mà có thể xác định được quyền sở hữu bằng loại hình công nghệ duy nhất là công nghệ chuỗi khối (blockchain), điều này có thể dẫn đến bỏ qua công nhân các loại tài sản số có thể xác thực quyền sở hữu bằng các công nghệ khác trong thời đại những loại hình công nghệ mới có thể được sinh ra, hình thành, ứng dụng hết sức nhanh chóng và đa dạng. Do đó, đề xuất điều chỉnh quy định theo hướng tài sản số có thể xác thực quyền sở hữu "trên môi trường số/môi trường điện tử". Đề xuất xem xét điều chỉnh nội dung "mà con người có quyền sở hữu" vì chủ thể sở hữu tài sản số có thể bao gồm cả các tổ chức, doanh nghiệp.	Giải trình Định nghĩa được tham khảo kinh nghiệm quốc tế như Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu...
	Tổng công ty viễn thông Mobifone	Đề xuất cơ quan soạn thảo làm rõ định nghĩa "sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước", cụ thể xác định rõ liệu tất cả các giai đoạn như nghiên cứu, thiết kế, phát triển, sản xuất của sản phẩm cần phải được thực hiện hoàn toàn tại Việt Nam hay có thể bao gồm các giai đoạn không thực hiện tại Việt Nam.	Tiếp thu: đã điều chỉnh dự thảo theo hướng chỉ quy định đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sản xuất trong nước phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước và các dự án, nhiệm vụ chỉ sử dụng ngân sách nhà nước
	Tập đoàn công nghiệp viên	Tài sản số được sinh ra cùng với sự phát triển của công nghệ số như các tài khoản trực tuyến,	Giải trình Dự thảo Luật đang giao Bộ Tài chính là cơ

TT	Đơn vị góp ý thông quân đội (Viettel)	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		tài khoản email, tài khoản mạng xã hội,... Việc pháp luật công nhận tài sản số là một loại tài sản không chỉ bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan mà còn tạo ra nhiều cơ hội và điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành công nghệ số và nền kinh tế số. Tuy nhiên, để tạo ra một hành lang pháp lý vững chắc cho các hoạt động liên quan đến tài sản số, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi nhất cho ngành công nghiệp công nghệ số phát triển mạnh mẽ. Đề xuất cần quy định thêm các nguyên tắc cơ bản về Tài sản số, làm nền tảng cho việc thực hiện các giao dịch, chuyển quyền và bảo vệ quyền lợi cho người sử dụng tài sản số, cụ thể: - Xác định rõ quyền sở hữu và cơ chế quản lý tài sản số trong môi trường công nghệ chuỗi khối, bao gồm cả việc xác nhận và bảo vệ quyền sở hữu của người sở hữu tài sản số, quy định các tiêu chuẩn và quy trình xác thực, chứng nhận về tính chính xác và hợp pháp của tài sản số, để giúp ngăn ngừa gian lận và tranh chấp liên quan đến tài sản số. - Đưa ra các biện pháp bảo vệ người tiêu dùng và các bên liên quan, như chính sách bồi thường và giải quyết tranh chấp khi có tranh chấp liên quan đến tài sản số. - Các biện pháp để quản lý rủi ro và đảm bảo an ninh thông tin cho các giao dịch liên quan đến tài sản số, nhằm bảo vệ dữ liệu và thông	quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng chính sách quản lý tài sản số. Do đó, các vấn đề như quyền sở hữu, cơ chế quản lý, biện pháp bảo vệ người tiêu dùng, giải quyết tranh chấp nói riêng và khung pháp lý nói chung sẽ được hoàn thiện trong thời gian tới.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		tin cá nhân của người dùng. Lý do: Đảm bảo khung pháp lý vững chắc cho loại hình tài sản số, đồng thời hạn chế những rủi ro trong giao dịch tài sản số nói riêng và các vấn đề khác liên quan đến tài sản số nói chung được thực hiện một cách minh bạch, an toàn và hiệu quả.	
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề nghị sửa thành: 1. Sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước là sản phẩm được nghiên cứu, thiết kế, phát triển hoặc sản xuất tại Việt Nam. Lý do: Với đặc thù công nghiệp bán dẫn, hiện không có nhà máy sản xuất trong nước, bắt buộc phải sản xuất ở nước ngoài. Tuy nhiên quá trình nghiên cứu, thiết kế, phát triển vẫn do trong nước làm chủ vẫn tính là sản phẩm trong nước.	Tiếp thu Đã chỉnh sửa trong dự thảo, chỉ quy định đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được ưu tiên đầu tư, mua sắm trong cơ quan nhà nước
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề xuất dùng thuật ngữ có tính phân cấp, dễ hiểu hơn. Ví dụ “Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm Nhóm/Cấp 1 – Nhóm/Cấp 2”	Giải trình Đây là 2 sản phẩm công nghệ số có tính chất, tiêu chí khác nhau nên không phân cấp
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề nghị bổ sung khoản quy định về việc hỗ trợ các doanh nghiệp có nghiên cứu, phát triển và sản xuất sản phẩm trọng yếu. Lý do: Điều 11 chưa có khoản quy định về việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp nghiên cứu phát triển hoặc sản xuất sản phẩm trọng yếu	Tiếp thu Đã bổ sung chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp có nghiên cứu, phát triển và sản xuất sản phẩm trọng yếu tại Điều 4 và các chính sách hỗ trợ tại các nội dung liên quan trong dự thảo Luật

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Đề xuất bổ sung quy định những Doanh nghiệp đủ năng lực mới được tham gia cung cấp và phát triển các sản phẩm dịch vụ trọng yếu.	Giải trình Trong thực tế, có những trường hợp doanh nghiệp phát triển sản phẩm công nghệ số từ nhỏ tiến lên giai đoạn ảnh hưởng đến phạm vi rộng, KTXH, an ninh quốc gia. Đến giai đoạn đó mới cần xác định và kiểm soát. Do đó, việc quy định doanh nghiệp đủ năng lực mới được tham gia cung cấp và phát triển các sản phẩm dịch vụ trọng yếu là không phù hợp.
Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)		Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “2. Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu là sản phẩm, dịch vụ đáp ứng một trong các nguyên tắc sau: b) Là các nền tảng số có số lượng người sử dụng lớn theo quy định của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và đồng thời thu thập, lưu trữ thông tin của người dùng là công dân Việt Nam”. Lý do: Thuật ngữ nền tảng số có số lượng người sử dụng lớn” khi áp dụng vào thực tế sẽ khiến khó xác định số lượng người dùng như thế nào là lớn, do vậy cần có cơ sở định lượng cho thuật ngữ này như quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: “Nền tảng số lớn quy định tại khoản 4 Điều 39 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử	Tiếp thu và giải trình Đã bỏ tiêu chí này ra khỏi dự thảo Luật. Lý do trong thực tế thì sản phẩm công nghệ số trọng yếu là sản phẩm có vai trò quan trọng, tác động lớn đến lợi ích quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, năng lực công nghệ quốc gia. Việc quy định tiêu chí là nền tảng số với số lượng người sử dụng là không phù hợp thực tế.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		được thiết lập, vận hành để phục vụ hoạt động kinh doanh trên không gian mạng và đáp ứng một trong các tiêu chí sau: a) Có từ 3.000.000 tài khoản người sử dụng hoạt động hằng năm tại Việt Nam trở lên theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm tự xác định số lượng tài khoản người sử dụng hoạt động trên nền tảng số do mình thiết lập, vận hành; b) Là nền tảng số trung gian quy mô lớn, rất lớn phục vụ giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.”	
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu; quy định về việc bán, xuất khẩu, chuyển giao sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu cho đối tác nước ngoài và tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.” Lý do: Đề phù hợp với quy định tại Điều 7 và Điều 13.	Tiếp thu Đã chỉnh sửa để phù hợp và đồng bộ các nội dung trong dự thảo Luật.
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Danh mục công nghệ số ưu tiên phát triển và ứng dụng: Chưa được nhắc đến ở Chương I và Chương II về danh mục ưu tiên là gì, ở trên chỉ có định nghĩa về trọng điểm, chưa có ưu tiên. Không rõ ưu tiên có khác với trọng điểm không?	Tiếp thu Đã loại bỏ danh mục công nghệ số ưu tiên phát triển và ứng dụng ra khỏi dự thảo Luật.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Điều 52 Luật Công nghệ thông tin đang quy định các loại hình dịch vụ công nghệ thông tin, trong đó bao gồm nhiều loại hình hơn các hoạt động cung cấp dịch vụ công nghệ số (tại Điều 9 dự thảo). Do đó, đề nghị không thực hiện bỏ Điều 52 Luật Công nghệ thông tin hoặc bỏ sung các nội dung từ Luật Công nghệ thông tin vào dự thảo Luật	Giải trình Dự thảo đã tuyên bố Điều 52 Luật Công nghệ thông tin, đồng thời quy định các hoạt động cung cấp dịch vụ công nghệ số tại khoản 2 Điều 7; không bao gồm các dịch vụ như chứng thực chữ ký điện tử...
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Về quy định đối với tài sản số Pháp luật Việt Nam hiện hành chưa có quy định đối với tài sản số, do vậy quy định tại Điều 8 Dự thảo tham chiếu đến pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan là chưa phù hợp. Ngoài ra, tài sản số chỉ được định nghĩa tại Điều 8, không có quy định chính sách chung trong quản lý, tổ chức cung ứng dịch vụ tài sản số và giao Bộ Tài chính chủ trì, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền hướng dẫn chi tiết. Do vậy, trường hợp Dự thảo quy định thừa nhận tài sản số là một loại tài sản được sử dụng hợp pháp trong giao dịch dân sự, đề nghị: + Bổ sung quy định tại văn bản luật về nguyên tắc sử dụng, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân liên quan trong quản lý, sử dụng tài sản số. + Đánh giá tác động của việc thực thi chính sách này có tham chiếu với các quy định của Luật Phòng chống rửa tiền nhằm ngăn ngừa rủi	Giải trình Theo khoản 1 Điều 105 về tài sản của Bộ luật Dân sự thì tài sản bao gồm: vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Đồng thời, quy định của pháp luật về dân sự quy định tài sản liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu. Do đó, đối chiếu với công nghệ số tạo nên tài sản số và các quy định pháp luật dân sự về xác lập quyền sở hữu, quyền tài sản. Việc quy định khai niệm tài sản số là phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Dự thảo luật giao Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng chính sách quản lý về loại hình này.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Hội truyền thông số	ro rửa tiền do Luật Phòng chống rửa tiền năm 2022 chưa luật hóa các loại tiền số, tài sản số. Quy định về “tài sản số” cần làm rõ đây là khái niệm pháp lý mới hay “tài sản số” (ngôn ngữ đời sống) được hiểu là quyền tài sản - một trong bốn loại tài sản được liệt kê tại Khoản 1 Điều 105 Bộ luật Dân sự 2015. Trong trường hợp “tài sản số” được hiểu là quyền tài sản, đề nghị quy định rõ “Các sản phẩm công nghệ số được tạo ra, phát hành, lưu trữ, chuyển giao và xác thực bằng công nghệ chuỗi khối được công nhận là quyền tài sản theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan của Việt Nam.”	Tiếp thu và giải trình Tài sản số được hiểu là quyền tài sản và khái niệm có dẫn chiếu quy định liên quan tới pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan.
II		CHƯƠNG III	
II.1		Mục 1. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch thúc đẩy ngành công nghệ số (Hiện nay đã sửa thành: Phát triển thị trường công nghệ số)	
Mục 1. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch thúc đẩy ngành công nghệ số (Hiện nay đã sửa thành: Mục 1.	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Đề nghị rà soát, bỏ các nội dung không mang tính chất quy phạm pháp luật như: Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số (Điều 12), Chương trình xây dựng, phát triển Thương hiệu ngành công nghiệp công nghệ số (Điều 13),... Nên đưa các nội dung này vào Kế hoạch triển khai thi hành nếu Luật được ban hành	Tiếp thu, giải trình: Đã bỏ các nội dung chi tiết tại Điều 13 Thương hiệu ngành và chỉnh sửa các Điều 14, 15 cho phù hợp. Việc quy định Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số là nội dung cần thiết và cần phải quy định trong dự thảo Luật nhằm làm căn cứ cho việc xây dựng, phát triển công

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
Phát triển thị trường công nghiệp công nghệ số)			nghiep công nghệ số, và đã được sửa lại cho phù hợp.
	Bộ Tài nguyên môi trường	Điều 15, đề nghị xem xét bổ sung các chính sách ưu đãi khác đã được quy định tại dự thảo Luật này; hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm để khuyến khích phát triển thị trường trong nước.	Tiếp thu Đã rà soát và viết lại nội dung phát triển thị trường công nghiệp công nghệ số thành 01 điều
	Bộ Công Thương	Tại điểm đ khoản 2 Điều 12: Đề nghị bổ sung căn cứ, giải trình rõ thêm về các danh mục này.	Giải trình Danh mục các dự án là một trong những giải pháp nhiệm vụ cần triển khai để đạt được mục tiêu, định hướng của Chương trình.
	Gia Lai	- Tại khoản 3, Điều 12 nội dung “Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng ...” đề nghị sửa lại thành “...xây dựng....”.	Tiếp thu
	Gia Lai	- Tại Điều 14, hiện đang quy định chủ thể là Nhà nước; nhưng khoản 4 lại giao Chính phủ quy định chi tiết. Do đó, đề xuất sửa đổi chủ thể Nhà nước tại một số hoạt động thành Chính phủ cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ nếu có. Tương tự, đề nghị xem xét chỉnh sửa cho Điều 15.	Giải trình Nhà nước ban hành chính sách chung về hỗ trợ phát triển thị trường. Việc thực thi giao Chính phủ quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn Luật
	Phú Yên	5. Tiêu đề của Mục 1 Chương III “Xây dựng và thực hiện Kế hoạch thúc đẩy ngành công nghiệp công nghệ số” sửa lại là “Xây dựng và thực hiện Chương trình thúc đẩy ngành công nghiệp công nghệ số”.	Tiếp thu Điều chỉnh tiêu đề của Mục 1 Chương III “Xây dựng và thực hiện Kế hoạch thúc đẩy ngành công nghiệp công nghệ số” thành “Phát triển thị trường công nghiệp công nghệ số” để bảo đảm bao quát toàn bộ nội dung của Mục này.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Lai Châu	- Tại khoản 1 Điều 16: đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ sung cụm từ “phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội”. Cụ thể như sau: “1. Việc đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển, kinh phí chi thường xuyên được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.” Lý do: Hiện nay đối tượng quy định của Luật Đầu tư công, phạm vi ngân sách nhà nước theo Luật Ngân sách nhà nước chưa quy định cụ thể việc đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số từ ngân sách nhà nước. Do vậy để các cơ quan, đơn vị chủ động trong việc triển khai thực hiện đề nghị sửa đổi bỏ sung quy định đối với nội dung này.	Đã bỏ Điều 16 do nội dung này không cần quy định trong dự thảo Luật
	Tổng công ty viễn thông Mobifone	Đề xuất điều chỉnh quy định tại Điều 15.6.a Dự thảo Luật như sau: “Có tối thiểu từ 30% doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp tham gia và thực hiện hợp đồng lắp ráp, cung cấp linh kiện, nguyên vật liệu sản xuất trong nước để sản xuất ra sản phẩm;”	Tiếp thu, giải trình: Nội dung này đã bỏ trong dự thảo, do không cần thiết quy định trong Luật

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề xuất sửa đổi thành: Khoản 1 điều 12: Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm là sản phẩm, dịch vụ thuộc quyền sở hữu của Bộ ban ngành hoặc doanh nghiệp nhà nước đáp ứng một trong những yêu cầu sau đây: a) Thị trường trong nước có nhu cầu lớn và có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao; b) Thị trường thế giới đang có nhu cầu và có tiềm năng xuất khẩu; c) Có tác động tích cực, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, mạnh mẽ các ngành kinh tế. Khoản 1 điều 13: Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu là các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thuộc quyền sở hữu của Bộ ban ngành hoặc doanh nghiệp nhà nước được sử dụng và cung cấp trong lãnh thổ Việt Nam, có vai trò quan trọng, tác động lớn đến lợi ích quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, năng lực công nghệ quốc gia. Lý do: Thu hẹp phạm vi các sản phẩm, dịch vụ số trọng điểm/trọng yếu về thuộc quyền sở hữu của Bộ ban ngành hoặc doanh nghiệp nhà nước để đảm bảo việc điều hành, quản lý và có các cơ chế chính sách hỗ trợ	Tiếp thu Đã chỉnh sửa, bổ sung để phù hợp và thống nhất trong dự thảo Luật
II.2		Mục 2. Hỗ trợ Doanh nghiệp công nghệ số	
Mục 2. Hỗ trợ Doanh nghiệp công nghệ số	Bộ Tài nguyên môi trường	Khoản 6 Điều 18, đề nghị rà soát, chỉnh sửa quy định “được vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam cho hạng mục xử	Tiếp thu Đã rà soát, bảo đảm trong quá trình thực thi thống nhất với pháp luật về bảo vệ môi trường

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường của dự án” để thống nhất với pháp luật về bảo vệ môi trường	
	Bộ Công an	Tại Điều 18 (Ưu đãi đối với hoạt động công nghiệp công nghệ số): a) Tại khoản 7, đề nghị xác định rõ tiêu chí về “ứng dụng công nghệ số có chi phí đầu tư lớn, hiệu quả mang lại trong tương lai” để doanh nghiệp triển khai hưởng ưu đãi về thuế, tài chính, đầu tư. Đồng thời, cần nhắc bổ sung một số quy định ưu đãi về thuế, tài chính, đầu tư trong hoạt động nhập khẩu vật tư, thiết bị, nguyên liệu (mà trong nước chưa sản xuất được) để phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số... b) Tại điểm c khoản 8 quy định việc miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ lương, tiền công của các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt làm việc tại các dự án. Tuy nhiên, chưa quy định rõ tiêu chí về xếp loại người lao động là chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt nên đề nghị bổ sung quy định tại dự thảo Luật cho đầy đủ	Tiếp thu Đã bỏ khoản 7 Điều 18 và đã rà soát chỉnh sửa tại Dự thảo Luật cho phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành về đầu tư, thuế
	Bộ Tài chính (bản dự thảo)	Về Chính sách tín dụng, Chính sách vay vốn, cấp bù lãi cho hoạt động CNCNS (Điều 18, Điều 19) - Đối với chính sách tín dụng đầu tư (TDDT) của Nhà nước: Hiện nay, chính sách này đang được thực hiện	Tiếp thu. Đã rà soát chỉnh sửa tại Điều 17 Dự thảo Luật

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		thống nhất theo quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 về tín dụng đầu tư của Nhà nước và Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP. Do đó, Bộ Tài chính nhất trí với chủ trương của Bộ TTTT tại dự thảo Tờ trình về việc doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số được vay vốn TĐĐT của Nhà nước theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Bộ TTTT rà soát nội dung dự thảo Luật để đảm bảo thực hiện nhất quán nguyên tắc này, trong đó cần rà soát, sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 19 dự thảo Luật theo hướng: “Doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số được vay vốn TĐĐT của Nhà nước theo quy định của pháp luật”. - Đối với chính sách vay vốn từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (BVMTVN) (khoản 6 Điều 18): Chính sách vay vốn từ Quỹ BVMTVN được thực hiện thống nhất theo quy định tại Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức, hoạt động của Quỹ BVMTVN với lãi suất ưu đãi đối với các dự án bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn quốc. Do đó, tương tự chính sách TĐĐT như trên, đề nghị Bộ TTTT rà soát, sửa đổi dự thảo Luật theo hướng dẫn chiếu việc vay vốn ưu đãi	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		từ Quy BVMTVN theo quy định của pháp luật. - Đối với cấp bù lãi suất thông qua hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) đối với các khoản vay trung và dài hạn của doanh nghiệp để đầu tư dự án sản xuất từ nguồn ngân sách trung ương (tại điểm b khoản 1 Điều 19 dự thảo Luật): Theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Luật Đầu tư công thì cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi là đối tượng đầu tư công. Do đó Bộ KH&ĐT là cơ quan chủ trì trình các cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện chính sách cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi từ nguồn chi đầu tư công. Tại Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội ngày 28/7/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 không bố trí chi cấp bù chênh lệch lãi suất thực hiện cho vay ưu đãi tín dụng thông qua các NHTM. Tại khoản 10 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025, Quốc hội đã quyết nghị không ban hành các chính sách, chế độ, các chương trình, đề án mới khi không cần đòi được nguồn. Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội nêu trên, đề nghị không ban hành thêm chính sách tín dụng cho vay ưu đãi thông qua các NHTM do	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		việc ban hành các chính sách mới khi chưa có nguồn là không thực hiện đúng chỉ đạo của Quốc hội. - Ngoài ra, đề nghị rà soát một số các nội dung như: Tại Điều 4, tên điều là “Chính sách phát triển công nghệ số” tuy nhiên một số nội dung tại các khoản quy định tại Điều 4 không thể hiện rõ là chính sách gì, ví dụ như quy định tại khoản 7.	
	Phú Yên	6. Tại khoản 8 Điều 18 nghiên cứu sửa lại nội dung: “Ưu đãi đối với các dự án có tính chất đặc biệt, quy mô lớn quy định tại khoản 8 Điều này”	Tiếp thu, giải trình Đã chính xác hóa lại nội dung này và bổ sung Điều 16 để xác định các dự án có tính chất đặc biệt, quy mô lớn và ưu đãi đối với dự án này.
	Tổng công ty viễn thông Mobifone	Đề xuất cơ quan soạn thảo nghiên cứu và bổ sung thêm các cơ chế khuyến khích để các dự án vừa và nhỏ cũng có thể tiếp cận sử dụng quỹ nghiên cứu và phát triển trong doanh nghiệp, cũng như được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển các sản phẩm công nghệ số.	Giải trình Các dự án vừa và nhỏ đều được hưởng các ưu đãi theo quy định đối với hoạt động công nghệ số. Theo Khoản 3 Điều 63 Luật Khoa học và Công nghệ: “3. Doanh nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đúng mục đích thành lập quỹ và thông báo việc thành lập quỹ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ địa phương nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp.”.
	Tập đoàn công nghiệp viên	Khoản 1: Nhà nước khuyến khích đầu tư nghiên cứu phát triển các sản phẩm, dịch vụ	Tiếp thu Đã chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 46 dự thảo Luật

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	thông quan đội (Viettel)	công nghệ số để chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực. Trong đó, ưu tiên phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số để chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực tạo ra sự thay đổi về năng suất lao động và giá trị gia tăng. Lý do: - Điều chỉnh từ ngữ do bị lỗi lặp lại từ "sản phẩm"	
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	- Các chính sách hỗ trợ, mức ưu đãi thuế, phí cần được đánh giá, so sánh với các thị trường đối mới, sáng tạo lớn trong khu vực (như Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc...) nhằm đánh giá mức ưu đãi này đã đủ hấp dẫn để thu hút và phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số trong nước. - Chưa có các chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ số (mới chỉ có cho doanh nghiệp, dự án sản xuất công nghệ số). Đề nghị bổ sung.	Tiếp thu Dự thảo Luật quy định các mức hỗ trợ từ đặc biệt ưu đãi đầu tư đến ưu đãi đầu tư đặc biệt (dự án siêu lớn). Đây là các mức ưu đãi cao nhất so với pháp luật hiện hành và với các quốc gia khác trên thế giới. Đồng thời, dự thảo Luật không phân biệt doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp kinh doanh.
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: "Điều 18. Ưu đãi đối với hoạt động công nghiệp công nghệ số 1. Công nghiệp công nghệ số là ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan. 2. Dự án sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu, trọng điểm được hưởng chính sách đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.	Tiếp thu, giải trình Đã rà soát, tiếp thu tại Điều 15 dự thảo Luật.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		Nhà nước ưu tiên đầu tư và được hưởng một phần tiền bản quyền đối với sản phẩm công nghệ số trọng điểm do Nhà nước đầu tư. 3. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. 4. Ưu đãi thuế đối với hoạt động nghiên cứu phát triển và sản xuất sản phẩm công nghệ số thân thiện môi trường theo Luật này và quy định pháp luật khác có liên quan. 5. Doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số được vay tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư; được vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam cho hạng mục xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường của dự án. 6. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai; 7. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số có sử dụng đất thuộc trường hợp được hỗ trợ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án đầu tư ở mức cao nhất theo quy định của pháp luật về đất đai. 8. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số được tạo	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		điều kiện thuận lợi về thủ tục hải quan trong quá trình xuất nhập khẩu máy móc thiết bị và sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin. 9. Chính sách ưu đãi đối với các dự án có tính chất đặc biệt, quy mô lớn quy định tại khoản 9 Điều này: a) Được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt về thuế thu nhập doanh nghiệp và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan; b) Được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) bằng 150% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) thực tế được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán; c) Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ lương, tiền công của các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt làm việc tại các dự án; d) Được miễn tiền thuế đất, thuế mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuế đất, thuế mặt nước cho thời gian còn lại; đ) Được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		của dự án, miễn trừ áp dụng điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu. 10. Dự án có tính chất đặc biệt, quy mô lớn. a) Dự án đầu tư xây dựng trung tâm lưu trữ và xử lý dữ liệu, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) có quy mô vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên; b) Đầu tư dự án trong lĩnh vực: bán dẫn (thiết kế, chế tạo, đóng gói và kiểm thử), sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm có quy mô vốn đầu tư từ 4.000 tỷ đồng trở lên. 11. Chính phủ quyết định các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác đối với các dự án có tính chất đặc biệt, quy mô lớn tại khoản 9 Điều này. 12. Các dự án đã bắt đầu trước thời điểm Luật này có hiệu lực và vẫn đang hoạt động, đáp ứng tiêu chí theo quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều này được hưởng ưu đãi của dự án có tính chất đặc biệt, quy mô lớn theo quy định tại Điều này kể từ thời điểm Luật này có hiệu lực”.	
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Các quy định và chính sách hiện tại về hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp công nghệ số tại Dự thảo luật hiện mang tính chất định hướng, khuyến khích. Tuy nhiên, để thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, đề xuất cụ thể hóa các điều khoản, xác định rõ trách nhiệm của các cơ	Tiếp thu, giải trình Đã rà soát, tiếp thu tại Điều 15 dự thảo Luật.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		quan liên quan và xây dựng các cơ chế rõ ràng để doanh nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận và nhận được sự hỗ trợ. Việc bổ sung này giúp tạo ra cơ hội thuận lợi cụ thể cho các doanh nghiệp góp phần thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam	
III.3		Mục 3. Quản lý, khai thác dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số	
Mục 3. Quản lý, khai thác dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số	Bộ Tài nguyên môi trường	Điều 27, đề nghị rà soát bảo đảm quy định của pháp luật hiện hành và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là Thành viên.	Tiếp thu Đã rà soát và bảo đảm quy định của pháp luật hiện hành và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là Thành viên.
	Bộ Tài nguyên môi trường	Điều 69, Điều 70, đề nghị xem xét bổ sung quy định đầy đủ các bộ phận cấu thành của thủ tục hành chính xét duyệt tham gia thử nghiệm; thủ tục hành chính gia hạn thử nghiệm hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm triển khai thực hiện, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính này.	Tiếp thu. Bộ TTTT đã tiếp thu, bổ sung chi tiết đầy đủ quy trình xử lý hồ sơ theo quy định thủ tục hành chính và có báo cáo đánh giá thủ tục hành chính kèm theo.
	Bộ Công an	Quy định về quản lý dữ liệu (bao gồm các hoạt động như phát triển thị trường dữ liệu, sản giao dịch dữ liệu, chuyển giao dữ liệu, bảo đảm chất lượng dữ liệu,...) đã được quy định trong dự án Luật Dữ liệu. Do đó, đề nghị lược bỏ các quy định có liên quan tại các điều 22, 23, 24, 26 Mục 3 Chương III dự thảo Luật về	Tiếp thu Dự thảo Luật là đã chỉnh sửa theo hướng phát triển dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số trên cơ sở tuân thủ các quy định về pháp luật về dữ liệu.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		quản lý, khai thác dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số để tránh trùng lặp	
	Bộ Công Thương	Về dữ liệu số và thông tin số Đề nghị làm rõ hai thuật ngữ "dữ liệu số", "thông tin số" tại dự thảo Nghị định. Đồng thời, Bộ Công an đang chủ trì xây dựng dự án Luật Dữ liệu. Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Công an trong việc rà soát, tránh quy định trùng lặp, chồng chéo, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.	Giải trình Dữ liệu số và Thông tin số đã định nghĩa tại Luật Công nghệ thông tin và Luật Giao dịch điện tử. Trong phạm vi Luật này, chỉ quy định các hoạt động liên quan đến dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về dữ liệu và pháp luật khác liên quan. Không chồng chéo với dự án Luật Dữ liệu.
	Gia Lai	- Tại điểm b, khoản 1, Điều 24 có quy định: "b) Dữ liệu số đã được thực hiện phi cá nhân hóa dữ liệu theo quy định tại Điều 27". Tuy nhiên trong dự thảo thì Điều 25 mới đề cập tới nội dung phi cá nhân hóa dữ liệu, do đó đề nghị xem xét, chỉnh sửa.	Tiếp thu Đã chỉnh sửa điểm b khoản 1 Điều 24 tham chiếu đến Điều 25
	Tổng công ty viễn thông Mobifone	Hiện nay Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu đã được hoàn thiện1 và gửi đến Bộ Tư pháp thẩm định2. Trong đó, các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật dữ liệu cũng đang có nội dung: quy định về xây dựng, phát triển, quản trị, xử lý dữ liệu, ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu, quản lý nhà nước về dữ liệu; quy định về sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu. Theo đó, đề xuất cơ quan soạn thảo rà soát, đảm bảo các nội dung liên	Tiếp thu Dự thảo đã chỉnh sửa định nghĩa về dữ liệu số theo hướng phạm vi hóa trong công nghiệp công nghệ số và bảo đảm không chồng chéo với Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		quan đến dữ liệu số tại dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số thống nhất với Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật dữ liệu đang được thẩm định, tránh sự chồng chéo, xung đột pháp luật, dẫn đến việc sau khi ban hành có hai Luật cùng điều chỉnh về một vấn đề, nội dung khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc triển khai thực hiện.	
	Tổng công ty viễn thông Mobifone	Điều 24.1 hiện quy định “dữ liệu số” bao gồm “dữ liệu cá nhân”. Trong khi đó, Điều 25.2 lại đang yêu cầu phi cá nhân hóa dữ liệu số (bao gồm cả dữ liệu cá nhân) là chưa thực sự hợp lý và có thể gây ra cách hiểu không thống nhất về việc liệu dữ liệu cá nhân có phải dữ liệu số hay không. Do vậy, để đảm bảo quy định rõ ràng, có ý nghĩa thúc đẩy công nghiệp số, đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh quy định theo hướng (i) thừa nhận dữ liệu cá nhân bao gồm cả dữ liệu số miễn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ dữ liệu cá nhân, (ii) bỏ quy định mặc định yêu cầu phi cá nhân hóa dữ liệu tại Điều 24.2 và xem xét thay thế bằng quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền hướng dẫn về các phương thức thực hiện phi cá nhân hóa dữ liệu, hoặc quy định từng trường hợp cụ thể bắt buộc cần phải phi cá nhân hóa dữ liệu số trong hoạt động công nghiệp công nghệ số.	Tiếp thu và chỉnh lý một phần Bỏ Khoản 1 Điều 24 để tránh cách hiểu không thống nhất; gộp Khoản 2 Điều 24 về đảm bảo an toàn dữ liệu số vào Điều 5 về Bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động công nghiệp công nghệ số. Điều chỉnh lại định nghĩa phi cá nhân hóa dữ liệu tại Khoản 1 Điều 25 để thống nhất với dự thảo đề cương Luật dữ liệu.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Giải trình	Tiếp thu, giải trình
	Tổng công ty viễn thông Mobifone	Đề xuất cơ quan soạn thảo làm rõ khái niệm “hoạt động trung gian dữ liệu số” do hiện tại Dự thảo Luật chưa có quy định hoặc định nghĩa cụ thể.		Giải trình Nội dung này đã bỏ khỏi dự thảo đảm bảo tính thống nhất trong quản lý về dữ liệu số và hoạt động trung gian dữ liệu số nếu có sẽ tuân thủ theo pháp luật về dữ liệu số.
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Về quản lý, kinh doanh, khai thác dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số, cần xem xét có chính sách thiết lập các nền tảng tổng hợp, khai thác, chia sẻ dữ liệu số đã được phi cá nhân hóa nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số tiếp cận, khai thác, chia sẻ, làm giàu dữ liệu số và qua đó tạo ra các ứng dụng, mô hình kinh doanh mới.		Giải trình Việc kinh doanh dữ liệu số phải tuân thủ pháp luật về dữ liệu và không quy định trong phạm vi Luật này
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Khoản 1: Tổ chức, cá nhân cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phải tạo điều kiện cho khách hàng chuyển dữ liệu số của mình sang sản phẩm, dịch vụ công nghệ số khác có cùng loại do tổ chức, cá nhân khác cung cấp. Tổ chức, cá nhân cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số không được áp đặt, gây trở ngại thương mại, kỹ thuật, hợp đồng và biện pháp ngăn cản khách hàng thực hiện chuyển dữ liệu số. Khoản 2: Tổ chức, cá nhân cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được đối xử công bằng trong tiếp cận dữ liệu mở của cơ quan nhà nước. Lý do: Điều chỉnh thuật ngữ “dữ liệu” thành	Tiếp thu Đã tiếp thu tại khoản 3, 4 Điều 19 dự thảo Luật.	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	"dữ liệu số" để thống nhất với phạm vi dữ liệu điều chỉnh của Mục 3 trong Dự thảo. Khoản 1: Dữ liệu số đầu vào là dữ liệu số phi cá nhân hoặc là dữ liệu số đã được thực hiện phi cá nhân hóa dữ liệu theo quy định tại Điều 27 hoặc là dữ liệu cá nhân tuân thủ các quy định pháp luật về dữ liệu cá nhân. Lý do: Điều chỉnh lại để đúng quy định tham chiếu từ Điều 25 thành Điều 27	Nội dung này đã bỏ khỏi dự thảo Luật
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Dữ liệu số có thể là dữ liệu phi cá nhân và dữ liệu cá nhân, tuy nhiên hiện này quy định của Nghị định 13/CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân rất chặt chẽ. Do vậy, để đảm bảo cơ chế cho doanh nghiệp tổ chức thực hiện đúng phạm vi "kinh doanh, chuyển nhượng dữ liệu số" không vi phạm quy định về dữ liệu cá nhân đề xuất cơ quan soạn thảo có văn bản đề quy định chi tiết về hoạt động chuyển nhượng và kinh doanh dữ liệu số này. Cùng cơ sở nêu trên, đối với doanh nghiệp "thu thập, sử dụng và kinh doanh dữ liệu số xuyên biên giới" (Điều 29 Dự thảo) cũng sẽ bao gồm hoạt động mua bán, chuyển nhượng xuyên biên giới. Đối với hoạt động chuyển nhượng dữ liệu qua biên giới doanh nghiệp có thể sẽ đối mặt với một số rủi ro: Loại dữ liệu nào được chuyển qua biên giới (phi cá nhân, dữ liệu cá nhân hoặc hỗn hợp mà không thể bóc tách riêng); vấn đề an ninh trên không gian mạng	Giải trình Việc phi cá nhân hóa dữ liệu đã quy định cần tuân thủ các pháp luật khác liên quan (như dữ liệu cá nhân, dữ liệu) Nội dung về dữ liệu xuyên biên giới đã lược bỏ

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		khi kinh doanh dữ liệu số. Do vậy, đề xuất cơ quan dự thảo có quy định chi tiết về hoạt động “kinh doanh, chuyển nhượng dữ liệu số và chuyển dữ liệu số qua biên giới” làm khung pháp lý rõ ràng hơn cho doanh nghiệp khi thực hiện.	
III.4		Mục 4. Thông minh hoá các ngành lĩnh vực thông qua hội tụ công nghệ số	
Mục 4. Thông minh hoá các ngành lĩnh vực thông qua hội tụ công nghệ số	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quy định về đào tạo công nghệ số trên môi trường điện tử (Điều 38) cần xác định rõ phạm vi quy định về đào tạo để tránh chồng chéo giữa các quy định của Luật (đào tạo ngắn hạn, đào tạo cấp bằng, đào tạo trong nhà trường, đào tạo tại doanh nghiệp ...). Đối với đào tạo các trình độ của giáo dục đại học cấp văn bằng đã có quy định của Luật Giáo dục đại học. Vì vậy, việc quy định về đào tạo công nghệ số trên môi trường điện tử ở dự thảo Luật này là chưa phù hợp. Mặc khác, Chính phủ cũng không nên can thiệp sâu vào chuyên môn để quy định công nhận tương đương kết quả đào tạo đối với các khóa đào tạo trên môi trường điện tử	Tiếp thu Đã bỏ quy định đào tạo công nghệ số trên môi trường điện tử Bổ sung một điểm I), Khoản 2, Điều 32 "Phát triển các nền tảng dạy và học trực tuyến mở, các mô hình đại học mới trong lĩnh vực công nghệ số thích ứng với quá trình chuyển đổi số" vào Khoản 1 Điều 32 dự thảo Luật. Nội dung này đã có tại Nghị quyết 29-NQ/TW năm 2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Điều 36 (Khung năng lực số): Cần xác định rõ khung năng lực số áp dụng cho đối tượng nào. Trong phạm vi của luật này, Khung năng lực số chỉ nên tập chung quy định cho nhân lực phục vụ công nghiệp công nghệ số.	Tiếp thu Đã quy định rõ khung kỹ năng công nghệ số tại Điều 36 Dự thảo Luật

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Bộ Tài nguyên môi trường	Điều 29, đề nghị làm rõ khái niệm “thúc đẩy thông minh hóa các ngành, lĩnh vực” để bảo đảm cho các Bộ triển khai thực hiện.	Tiếp thu Đã làm rõ khái niệm “thúc đẩy thông minh hóa các ngành, lĩnh vực” để bảo đảm cho các Bộ triển khai thực hiện.
	Bộ Tài chính (bản dự thảo)	Tại khoản 1 Điều 29 Thúc đẩy thông minh hóa các ngành, lĩnh vực có quy định: “Các Bộ trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực của mình chịu trách nhiệm xây dựng chương trình 05 năm và kế hoạch hành động hằng năm thực hiện thông minh hóa ngành, lĩnh vực phụ trách”. Tuy nhiên, dự thảo chưa quy định trách nhiệm của Bộ TTTT trong việc hướng dẫn xây dựng chương trình 05 năm cũng như thẩm quyền phê duyệt chương trình 05 năm. Ngoài ra, theo quy định hiện hành các Bộ phải xây dựng kế hoạch 5 năm về ứng dụng CNTT, kế hoạch 5 năm về chuyển đổi số,... đề nghị Bộ TTTT nghiên cứu để tránh tình trạng các Bộ/ngành phải xây dựng quá nhiều kế hoạch 5 năm, có thể dẫn đến khó khăn, chồng chéo trong triển khai.	Tiếp thu Đã bổ sung tại khoản 2 Điều 23 về các nội dung chính trong chương trình thúc đẩy thông minh hóa
	Bộ Công Thương	Về thông minh hóa các ngành lĩnh vực thông qua công nghệ số Mục 4 Chương III quy định về thông minh hóa các ngành, lĩnh vực thông qua công nghệ số.. Khoản 2 Điều 28 liệt kê hầu hết các ngành lĩnh vực đều phải thông minh hóa. Bộ Công Thương có ý kiến đề nghị làm rõ các tiêu chí thế nào là “thông minh hoá” các ngành, lĩnh	Giải trình Công nghệ số phát triển có tác động tới mọi ngành, lĩnh vực. Do vậy, thông minh hóa trên cơ sở hội tụ công nghệ số vào các hoạt động quản lý, điều hành, sản xuất trong các ngành, lĩnh vực để tối ưu hóa hiệu suất, hiệu quả, nâng suất, khả năng tự động thích ứng với sự thay đổi của các ngành, lĩnh vực; có thể tạo ra

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		vực, làm rõ sự khác biệt với các tiêu chí về chuyển đổi số hiện nay (Chuyển đổi số đã được thể hiện ở nhiều văn bản từ cấp trung ương đến địa phương như Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030).	những sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới có giá trị gia tăng cao. Sự khác biệt của thông minh hóa và chuyển đổi số là khả năng tự động thích ứng của ngành lĩnh vực và có thể tạo ra mô hình kinh doanh mới.
	Phú Yên	7. Tại Mục 4, cần làm rõ khái niệm thông minh, thông minh hóa để tiếp cận nội dung đầy đủ hơn.	Giải trình Khoản 1 Điều 28 đã làm rõ về khái niệm thông minh hóa.
III.5		Mục 5. Thúc đẩy tiêu chuẩn hóa và chứng nhận cho công nghiệp công nghệ số	
Mục 5. Thúc đẩy tiêu chuẩn hóa và chứng nhận cho công nghiệp công nghệ số	Bộ Tài nguyên môi trường	Khoản 4 Điều 30, đề nghị quy định rõ chỉ bắt buộc áp dụng các quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia để thống nhất với quy định của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.	Tiếp thu Đã chỉnh sửa phù hợp với pháp luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa công nghệ số (khoản 2, Điều 31), xem xét chỉnh sửa phù hợp các quy định pháp luật hiện hành.	Giải trình Dự thảo đã viết theo hướng đồng bộ với dự thảo Luật tiêu chuẩn, quy chuẩn sửa đổi để cập nhật kịp thời các quy định mới nhất về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
	Bộ Công an	Tại dự án Luật Dữ liệu đã quy định rõ các nguyên tắc phát triển ứng dụng công nghệ trong xử lý, quản trị, quản lý, sử dụng, khai thác dữ liệu (áp dụng chung cho nhiều hoạt động công nghệ cao trong xử lý dữ liệu như trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật, chuỗi khối,...). Do đó, đề nghị lược bỏ Điều 79 (Xây dựng	Tiếp thu và Giải trình Tiếp thu: Dự thảo đã lược bỏ Điều 79 về nguyên tắc đạo đức trong phát triển, triển khai và ứng dụng AI. Giải trình: Trí tuệ nhân tạo là công nghệ số. Do đó, dự thảo chỉ quy định thúc đẩy và phát triển AI,

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		nguyên tắc đạo đức trong phát triển, triển khai và ứng dụng trí tuệ nhân tạo), Điều 80 (Các hoạt động trí tuệ nhân tạo bị nghiêm cấm), Điều 81 (Quản lý rủi ro đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo) để hạn chế từng lập nội dung	không quy định xử lý, quản trị, quản lý, sử dụng khai thác dữ liệu. Hiện nay, AI mang lại nhiều lợi ích nhưng cũng mang đến những rủi ro trong các hoạt động sản xuất, cung cấp, triển khai và sử dụng AI (đây cũng là những hoạt động công nghiệp công nghệ số thuộc phạm vi của dự thảo Luật). Dự thảo đã đưa quy định cấm đối với các hành vi liên quan đến AI vào Điều 5 dự thảo và quản lý rủi ro đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo rủi ro cao gây rủi ro tổn hại đến sức khỏe, an toàn và quyền con người để bảo đảm giảm thiểu rủi ro
	Bộ Công Thương	Tại Điều 30: đề nghị rà soát lại toàn bộ nội dung tại Điều này và các nội dung liên quan để phù hợp, thống nhất với Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 (ví dụ: khoản 1 Điều 3, Điều 20, khoản 2 Điều 22, Điều 23, điểm b khoản 1 Điều 36, Điều 59, Điều 60,...) và các văn bản có liên quan (ví dụ: khoản 7 Điều 1 Nghị định số 78/2018/NĐ-CP,...).	Tiếp thu Trong dự thảo chỉ dẫn chiếu đến Luật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật 2006 và có tham khảo dự thảo dự án Luật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đang trong quá trình xây dựng.
	Cần Thơ	2. Tại Điều 30. Thông minh hoá các ngành, lĩnh vực thông qua hội tụ CNSố: bổ sung thêm lĩnh vực môi trường thông minh, vì lĩnh vực cũng quan trọng.	Giải trình Khoản 2 Điều 22 quy định "Thông minh hoá các ngành, lĩnh vực nhưng không hạn chế". Trong đó, đã bao gồm môi trường thông minh.
III.6		Mục 6. Nguồn nhân lực công nghệ số	
	Bộ Giáo dục và Đào tạo	"Nhân lực công nghiệp công nghệ số" bao gồm cả nhân lực trình độ cao và nhân lực	Tiếp thu Đã gửi xin ý kiến cả Bộ LĐTBXH

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
Mục 6. Nguồn nhân lực công nghệ số		nghề, nhân lực phổ thông, do đó đề nghị Quý Bộ lấy ý kiến của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về nội dung này.	
	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tại Mục 6 (Nguồn nhân lực công nghệ số), đề nghị cần nhắc bổ sung thêm nội dung phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên phục vụ phát triển nhân lực công nghệ số; dự báo nhu cầu nguồn nhân lực công nghệ số	Tiếp thu Đã tiếp thu và có chọn lọc đưa nội dung ưu đãi giảng viên, nghiên cứu viên đối với lĩnh vực bán dẫn.
	Kon Tum	Tại Điều 34 của dự thảo Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thêm 1 khoản về trách nhiệm của Bộ, ngành quy định “quy trình thủ tục “rút ngắn” thẩm định cấp giấy phép lao động.	Giải trình Quy định về quy trình thủ tục cấp Giấy phép lao động đã được quy định tại Nghị định số 152/2020/NĐ-CP, Nghị định 70/2023/NĐ-CP thuộc thẩm quyền của Bộ LĐTBXH. Trong quá trình thực thi, Bộ TTTT sẽ phối hợp với Bộ LĐTBXH để điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn.
	Kon Tum	Tại Điều 35, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thêm 1 khoản về trách nhiệm của Bộ, ngành ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút, trọng dụng nhân tài công nghệ số.	Giải trình Dự thảo Luật đã quy định về chính sách ưu đãi thu hút, trọng dụng nhân tài công nghệ số tại Điều 35. Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về nội dung chính sách này.
	Cần Thơ	3. Hoàn thiện về nội dung về phát triển nguồn nhân lực Phát triển nguồn nhân lực là yếu tố then chốt để thúc đẩy phát triển CNg CNS Dự thảo Luật CNg CNS cần có quy định cụ thể hơn về việc đào tạo, bồi dưỡng, “chuyển nhượng” nguồn nhân lực chất lượng cao đối với ngành này,	Xin ý kiến thêm Bộ Luật Lao động đã quy định sử dụng lao động trong quan hệ lao động và các quan hệ khác liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động; quản lý nhà nước về lao động. Do đó những quy định về sử dụng lao động

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		bao gồm: - Xác định nhu cầu về nguồn nhân lực cho từng lĩnh vực cụ thể của CNS. - Phát triển các chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thị trường lao động. - Hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. - Đề nghị dự thảo Luật CNS nên có quy định cụ thể về việc “chuyển nhượng” nguồn nhân lực chất lượng cao từ nơi này sang nơi khác, từ cơ quan này sang cơ quan khác; Tương tự như việc chuyển nhượng cầu thủ đá bóng chuyên nghiệp giữa các Câu lạc bộ; Như vậy, sẽ hạn chế “chảy máu chất xám”; Đồng thời, khi đã có quy định về nội dung chuyển nhượng thì khi có chuyển nhượng, nơi đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cũng có chi phí nhất định để bù đắp, đào tạo lại nguồn nhân lực đã chuyển nhượng sang cơ quan đơn vị khác.	CNS chất lượng cao sẽ thực hiện theo các quy định tại Bộ Luật Lao động
III.7		Mục 7. Hợp tác quốc tế về công nghiệp công nghệ số	
Mục 7. Hợp tác quốc tế về công nghiệp công nghệ số	Gia Lai	Tại khoản 5, Điều 39, nội dung “Nhà nước hỗ trợ, thúc đẩy...” đề nghị sửa lại thành “... thúc đẩy....”	Tiếp thu
III.8		Mục 8. Khu công nghệ số	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
Mục 8. Khu công nghệ số	Bộ Tài nguyên môi trường	Khoản 3 Điều 44, đề nghị rà soát chỉnh sửa quy định “được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan” theo hướng được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.	Tiếp thu Đã chỉnh sửa tiếp thu tại Điều 35.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	- Về khu công nghệ số (mục 8, Điều 42-44), đề nghị xem xét lại để đảm bảo tính thống nhất về phân loại khu công nghệ số trong các loại hình khu tại các văn bản pháp luật hiện hành; cụ thể: + Tại khoản 3, Điều 85 dự thảo quy định thay thế cụm từ “khu công nghệ thông tin tập trung” tại Luật Công nghệ thông tin bằng cụm từ “khu công nghệ số”; như vậy, theo quy định tại Điều 51 Luật Công nghệ thông tin (sau khi sửa đổi) khu công nghệ số là loại hình khu công nghệ cao; + Tại điểm b, khoản 6, Điều 85 dự thảo quy định thay thế cụm từ “khu công nghệ thông tin tập trung” bằng cụm từ “khu công nghệ số” tại khoản 1 Điều 202 Luật Đất đai số 31/2024/QH15; như vậy, đất khu công nghệ số được xác định trong nhóm đất khu công nghiệp chứ không thuộc nhóm đất khu công nghệ cao (quy định tại Điều 204 Luật Đất đai số 31/2024/QH15); + Tại các đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tại Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng	Tiếp thu và giải trình Dự thảo Luật thay thế chương công nghiệp CNTT, trong đó thay thế cả Điều 51 quy định về khu CNTT tập trung. Đồng thời, dự thảo đã rà soát, thống nhất với các quy định pháp luật chuyên ngành khác với khu công nghệ số

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		tại các khoản 5, 7, 8 Điều 85 dự thảo thi khu công nghệ số lại được bỏ sung như một mô hình độc lập với các loại hình khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế...	
	Bộ Công an	Cần nhắc sử dụng khái niệm “khu công nghiệp công nghệ số” thay cho “khu công nghệ số” hiện đang được quy định tại khoản 7 Điều 3 và mục 8 Chương III để bảo đảm phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật.	Giải trình Khu Công nghệ số được kế thừa và thay đổi từ khu CNTT tập trung. Việc sử dụng cụm từ “khu công nghệ số” thể hiện tính bao quát về mục tiêu và chức năng, nhiệm vụ của loại hình khu chức năng này đối với việc phát triển công nghiệp công nghệ số. Do đó, bảo lưu việc sử dụng cụm từ “khu công nghệ số” trong dự thảo Luật
III.9		Mục 9. Phát triển bền vững trong công nghiệp công nghệ số	
Mục 9. Phát triển bền vững trong công nghiệp công nghệ số	Bộ Tài nguyên môi trường	Khoản 2 Điều 46, đề nghị rà soát quy định về “Nhân phần mềm xanh đối với sản phẩm phần mềm thân thiện môi trường” tại dự thảo Luật này với quy định về “Nhân sinh thái Việt Nam” theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	Tiếp thu Đã điều chỉnh, tiếp thu phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường tại Điều 37.
	Bộ Tài nguyên môi trường	Khoản 2 Điều 47, đề nghị rà soát quy định về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ tân trang sản phẩm công nghệ số cho thống nhất với Luật Đầu tư năm 2020.	Tiếp thu Đã rà soát và các điều kiện cấp phép dịch vụ gia công sửa chữa sản phẩm CNTT đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu theo quy định tại Luật Đầu tư đang được thực hiện trong thực tế và không phát sinh vướng mắc.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Bộ Công an	Đối với Điều 46 (Phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thân thiện môi trường): Đề nghị đánh giá, thuyết minh rõ cơ sở cần thiết quy định thủ tục dán nhãn phần mềm xanh, thân thiện với môi trường và tác động của phần mềm với môi trường trong thực tế	Giải trình Dán nhãn phần mềm xanh phù hợp với Nhân sinh thái Việt Nam đối với sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, phần mềm xanh sẽ giúp cho việc sử dụng hiệu quả các tài nguyên trong các hệ thống máy tính, hệ thống thông tin nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính...
	Bộ Tài chính (bản dự thảo)	Về thuế carbon: Tại điểm c khoản 2 Điều 45 dự thảo Luật quy định: “2. Doanh nghiệp công nghệ số có trách nhiệm, nghĩa vụ như sau: ... c) Thực hiện nghĩa vụ thuế carbon theo quy định của pháp luật.” Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Tại điểm 1b Mục I Điều 1 Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 quy định: “Các chính sách thuế chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về thuế và được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính nhất quán về hiệu lực pháp lý giữa các luật thuế và các văn bản pháp luật có liên quan”. Hệ thống chính sách thuế Việt Nam hiện hành chưa có thuế carbon. Do đó, đề nghị bỏ quy	Tiếp thu Dự thảo đã điều chỉnh lại điểm c khoản 2 Điều 45 (nay là Điều 37) như sau: “c) Thực hiện nghĩa vụ thuế theo pháp luật về bảo vệ môi trường, thuế bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật liên quan.”

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		định tại điểm c khoản 2 Điều 45 dự thảo Luật nêu tên	
	Bộ Công Thương	Về hàng hoá tân trang Khoản 1 Điều 47 dự thảo quy định "Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ tân trang sản phẩm công nghệ số đã qua sử dụng thuộc Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu phải có Giấy phép kinh doanh dịch vụ tân trang sản phẩm công nghệ số". Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 77/2023/NĐ-CP ngày 02/11/2023 và Nghị định số 66/2024/NĐ-CP? ngày 17/6/2024, trong đó phạm vi của hai Nghị định trên có liên quan đến hàng hóa tân trang. Theo đó, đề nghị rà soát dự thảo để tránh chồng chéo các nội dung trên, đồng thời bổ sung giải trình rõ nội dung này tại dự thảo Tờ trình.	Tiếp thu Bộ Thông tin và Truyền thông đã rà soát, điều chỉnh các nội dung quy định các hoạt động tân trang trong dự thảo Luật đảm bảo không chồng chéo trong quá trình thực thi pháp luật.
III.10		Mục 10. Thông tin về công nghệ công nghệ số	
Mục 10. Thông tin về công nghệ công nghệ số	Bộ Công an	Tại Điều 50 quy định về quản lý cơ sở dữ liệu công nghệ công nghệ số, đề nghị bổ sung quy định rõ việc thu phí khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu này cho rõ ràng, chặt chẽ.	Hiện nay, tại dự thảo Luật đã có đề xuất bổ sung quy định về phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia. Do đó trong Luật này không quy định về khoản phí này.
	Bộ Tài chính (bản dự thảo)	Về phí khai thác và sử dụng tài liệu CNCNS từ Hệ thống thông tin quốc gia về CNCNS Tại điểm d khoản 5 Điều 50 dự thảo Luật quy định: "Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức	Tiếp thu - Đã nghiên cứu bỏ nội dung này tại Dự thảo Luật

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu CNCNS từ Hệ thống thông tin quốc gia về CNCNS” Đề nghị Bộ TTTT bỏ nội dung trên vì các lý do sau: - Tại Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí không quy định khoản phí khai thác và sử dụng tài liệu CNCNS từ Hệ thống thông tin quốc gia về CNCNS. - Tại dự thảo Luật Dữ liệu do Bộ Công an chủ trì soạn thảo (hiện đang lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương) có đề xuất bổ sung quy định về phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và bổ sung loại phí này vào mục 6 thuộc Phần IV - Phí thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí. Theo dự kiến Luật Dữ liệu sẽ được trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025). Do đó, trường hợp khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, tài liệu trên cơ sở dữ liệu quốc gia thì phải thống nhất một khoản phí khai thác và sử dụng thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia cho phù hợp.	
Lai Châu		- Tại khoản 1 Điều 52: đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ các hạng mục sử dụng kinh phí nguồn chi đầu tư phát triển và nguồn chi thường xuyên.	Giải trình Dự thảo đã tuyên bố Điều 52 Luật Công nghệ thông tin, đồng thời quy định các hoạt động cung cấp dịch vụ công nghệ số tại khoản 2

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		Lý do: Nội dung dự thảo chưa quy định cụ thể việc sử dụng nguồn chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên để xây dựng, quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số dẫn đến phát sinh khó khăn, vướng mắc trong việc bố trí kinh phí để triển khai thực hiện.	Điều 7; không bao gồm các dịch vụ như chúng thực chủ ký điện tử...
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “1. Cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số gồm: a) Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ số”. Lý do: Đề rõ ràng và đầy đủ hơn	Tiếp thu, Đã chỉnh sửa trong dự thảo Luật
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	c) Thông tin về công nghệ 5G, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối, thực tại ảo/thực tại tăng cường; Lý do: Theo định nghĩa công nghệ số gồm có: công nghệ 5G, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối, thực tại ảo/thực tại tăng cường. Nhưng tại cơ sở dữ liệu chỉ có thông tin về hệ thống trí tuệ nhân tạo. Cần thể hiện đầy đủ các lĩnh vực của công nghệ số	Giải trình Cơ sở dữ liệu bao gồm cả thông tin sản phẩm của doanh nghiệp công nghệ số (sẽ có những sản phẩm như 5G, dữ liệu lớn...) Đổi với hệ thống AI rồi ro cao sẽ được quản lý trong dự thảo Luật sẽ được đưa độc lập để phục vụ công tác quản lý"
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “5. Việc khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số được quy định như sau:	Tiếp thu Dự thảo Luật đã sửa thành “Việc xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số; chia sẻ cơ

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		b) Tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ số được khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu công nghệ công nghệ số và phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về vệ cạnh tranh, bảo vệ bí mật nhà nước”. Lý do: Nhằm tạo điều kiện cho các Tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ số được tiếp cận thông tin tối đa trong cơ sở dữ liệu công nghệ công nghệ số, không chỉ thông tin của doanh nghiệp mà còn thông tin về sản phẩm công nghệ số trọng điểm, trọng yếu; hệ thống trí tuệ nhân tạo; hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số,... phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 dự thảo.	sở dữ liệu công nghệ công nghệ số với các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác theo quy định hiện hành của Chính phủ”
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	5. Việc khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu công nghệ công nghệ số được quy định như sau: c) Tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này có nhu cầu khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu công nghệ công nghệ số phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu công nghệ công nghệ số theo quy định của pháp luật Lý do: Điều chỉnh lại đúng quy định tham chiếu từ điểm b và điểm c thành điểm a và điểm b	Tiếp thu, Dự thảo Luật đã sửa thành “Việc xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công nghệ công nghệ số; chia sẻ cơ sở dữ liệu công nghệ công nghệ số với các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác theo quy định hiện hành của Chính phủ”

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
III.11		Mục 11. Ủy ban thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số quốc gia	
Mục 11. Ủy ban thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số quốc gia	Bộ Công an	Tại Mục 11 Chương III dự thảo Luật quy định việc thành lập Ủy ban thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số quốc gia; tuy nhiên, đề nghị cần nhắc lược bỏ quy định này vì sẽ làm tăng đầu mối về tổ chức của Chính phủ; đồng thời, hiện nay Chính phủ đã thành lập Ủy ban Chuyển đổi số Quốc gia với chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương trong thực hiện chuyển đổi số (Việc phát triển công nghiệp công nghệ số cũng là một trong những nhiệm vụ của chuyển đổi số). Do vậy, việc chỉ đạo phát triển hoạt động công nghiệp công nghệ số cũng có thể giao Ủy ban Chuyển đổi số Quốc gia thực hiện cho thống nhất.	Giải trình Công nghiệp công nghệ số là ngành công nghiệp nền tảng đóng góp lớn vào kinh tế - xã hội, có tác động đến nhiều ngành, lĩnh vực. Do vậy cần có sự phối hợp liên ngành, chỉ đạo thống nhất của Chính phủ. Do vậy cần có Ủy ban do Lãnh đạo Chính phủ đứng đầu để chỉ đạo triển khai đồng bộ, thống nhất.
IV		Chương IV. THỨC ĐẨY, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ	
IV.1		Mục 1. Nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số	
Mục 1. Nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số	Bộ Khoa học và Công nghệ	- Về việc hỗ trợ tài chính và cơ sở vật chất cho các dự án nghiên cứu và phát triển (Điều 59), đề nghị làm rõ cách thức và tính khả thi (ví dụ như việc hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng miễn phí phòng thí nghiệm dùng chung và hạ tầng thông tin phục vụ nghiên cứu phát triển); và chỉnh sửa thành “doanh nghiệp	Tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Luật theo ý kiến của Bộ Tài chính

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		nhỏ và vừa” để phù hợp với Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.	
	Bộ Khoa học và Công nghệ	- Về việc xây dựng Chương trình nghiên cứu - phát triển công nghệ số (Điều 60), đề nghị xem xét quy định riêng mà thực hiện lồng ghép triển khai các nhiệm vụ thông qua các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia hiện hành đã được Bộ KH&CN phê duyệt và triển khai liên quan đến công nghệ số như Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030, Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030, Chương trình hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ của Công nghiệp 4.0... để hỗ trợ nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số ở Việt Nam.	Giải trình Công nghệ số là lĩnh vực quan trọng đối với sự phát triển của kinh tế - xã hội, do vậy, cần thiết phải có Chương trình nghiên cứu- phát triển để thúc đẩy ngành, lĩnh vực này. Bộ TTTT đã tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính để chỉnh sửa lại cho phù hợp, khả thi.
IV.2		Mục 2. Khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số (hiện nay nội dung này đã lược bỏ và gộp vào nội dung khác)	
Mục 2. Khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số (hiện nay nội dung này đã lược bỏ và gộp vào nội dung khác)	Kon Tum	Tại Mục 2 Chương IV: cần xem xét quy định cơ quan chủ trì tham mưu (hoặc ban hành theo thẩm quyền) Chính sách thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số.	Tiếp thu Đã bỏ nội dung mục này trong dự thảo

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
IV.3		Mục 2. Cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số	
Mục 2. Cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số	Bộ Nội vụ	Tại khoản 5 Điều 67 về Thẩm quyền cho phép triển khai cơ chế thử nghiệm, đề nghị quy định rõ hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này, bảo đảm tính minh bạch, dễ triển khai thực hiện	Tiếp thu. Bộ TTTT đã nghiên cứu và kinh nghiệm các nước và Luật Thủ đô 2024, việc quy định rõ đầu mối là các bộ, ngành sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cơ chế thử nghiệm. Bộ TTTT đã tiếp thu và quy định rõ trách nhiệm của bộ, ngành; bảo đảm sau khi ban hành có thể triển khai được ngay.
	Bộ Tài nguyên môi trường	Khoản 2 Điều 78, đề nghị tham chiếu rõ đến Mục 3 Chương IV của Luật này.	Tiếp thu Đã lược bỏ Điều này
	Bộ Công an	Tại mục 3 Chương IV về cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, đề nghị quy định rõ các loại sản phẩm, dịch vụ nào cần phải thực hiện thủ tục đăng ký thử nghiệm để đảm bảo chất chế trong triển khai thực hiện	Tiếp thu. Bộ TTTT đã tiếp thu bổ sung thêm Điều quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được xem xét thử nghiệm.
	Bộ Công an	Tại khoản 1 Điều 70 (Gia hạn thử nghiệm và kết thúc thử nghiệm), đề nghị cần nhắc thay thế quy định giới hạn chỉ cho phép gia hạn thử nghiệm tối đa 01 lần bằng việc quy định gia hạn thử nghiệm sẽ tùy vào xem xét, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phù hợp với tình hình thực tế để tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp tham gia thử nghiệm, tăng tính linh động trong quá trình triển khai.	Tiếp thu Đã bổ sung tại khoản 1 Điều 70 "Thời gian gia hạn tối đa 03 năm tính từ thời điểm được cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn."
	Bộ Công an	Tại Điều 71 (Bảo vệ người sử dụng): a) Đề nghị chỉnh lý khoản 2 Điều 71 như sau:	Tiếp thu. Bộ TTTT đã tiếp thu và điều chỉnh lại nội

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		“2. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin của người sử dụng trong và sau quá trình sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thử nghiệm, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân”. b) Tại khoản 5 Điều 71, việc đặt ra thời hạn tiếp nhận và có biện pháp xử lý yêu cầu tra soát, khiếu nại trong thời gian 5 ngày làm việc là chưa thực sự khả thi. Trên thực tế, các dịch vụ công nghệ tài chính (ví dụ như dịch vụ trung gian thanh toán) có nghiệp vụ hết sức phức tạp và hiện đang được pháp luật quy định thời hạn giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại lên tới 45 ngày làm việc. Do đó, đối với quy định về thời hạn xử lý yêu cầu tra soát, khiếu nại, đề nghị chỉnh lý theo hướng thời gian thực hiện giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại sẽ thực hiện theo phương án tại hồ sơ đề nghị thử nghiệm đã được cơ quan nhà nước phê duyệt.	dung này tại Điều 69 như sau: “2. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin của người sử dụng trong và sau quá trình sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thử nghiệm, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.” Bộ TTTT đã tiếp thu ý kiến về thời hạn tiếp nhận và chỉnh sửa trong dự thảo Luật.
Bộ Công Thương		Về cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số - Dự thảo Luật chưa có định nghĩa thế nào là “sản phẩm, dịch vụ công nghệ số hội tụ”. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 65 quy định về tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ được xem xét áp dụng cơ chế thử nghiệm căn cứ vào “sản phẩm, dịch vụ công nghệ số hội tụ”. Theo đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ khái niệm trên.	Bộ TTTT tiếp thu và giải trình như sau: - Bộ TTTT đã tiếp thu và bổ sung khái niệm hội tụ công nghệ số trong dự thảo Luật. - Về việc quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trường hợp chưa có pháp luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của pháp luật hiện hành có thể nghiên cứu quy định về trường hợp cấp bách để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		- Hiện nay theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trường hợp chưa có pháp luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của pháp luật hiện hành có thể nghiên cứu quy định về trường hợp cấp bách để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn. Ngoài ra, Quốc hội có thể xem xét, quyết định về ban hành nghị quyết của Quốc hội để thực hiện chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành hoặc tạm ngưng/kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật, nghị quyết của Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển KTXH,... Bên cạnh đó, cấp trên có thẩm quyền có thể thực hiện đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ đối với văn bản của cấp dưới khi văn bản đó trái với văn bản cấp trên,... (Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ,...). - Ngoài ra, việc đánh giá "khả năng mang lại hiệu quả cao, đột phá về KTXH", "...các luật hoặc quy định quản lý việc cấp phép chưa rõ ràng hoặc chưa hợp lý cho việc áp dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số hội tụ" còn mang tính chủ quan, chưa có căn cứ rõ ràng để xem xét. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo	rút gọn. Ngoài ra, Quốc hội có thể xem xét, quyết định về ban hành nghị quyết của Quốc hội để thực hiện chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành hoặc tạm ngưng/kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật, nghị quyết của Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển KTXH. Bộ TTTT giải trình như sau: Theo quy định Luật Ban hành văn bản, cấp thẩm quyền có thể ban hành văn bản đối với trường hợp chưa có pháp luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, trong thực tiễn, những sản phẩm, dịch vụ hội tụ công nghệ số là những sản phẩm, dịch vụ mới chưa có quy định pháp luật điều chỉnh và việc nghiên cứu xây dựng văn bản để điều chỉnh là khó khăn do tính mới của công nghệ nên việc xây dựng văn bản cho phép thử nghiệm có thể mất nhiều thời gian. Việc có cơ chế cho phép thử nghiệm trong phạm vi giới hạn về không gian, thời gian, đối tượng, ... sẽ cho phép và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp kịp thời thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ hội tụ công nghệ số, giúp đẩy mạnh thông minh hóa các ngành, lĩnh vực, phù hợp với xu thế và định hướng chuyển đổi số. - Về việc đánh giá "khả năng mang lại hiệu

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		nguyên cứu, đánh giá kỹ lưỡng, xin ý kiến của Bộ Tư pháp về nội dung này.	quá cao, đột phá về KTXH...", Bộ TTTT đã tiếp thu và lược bỏ tiêu chí này trong Điều về tiêu chí đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thử nghiệm.
	Bộ Công Thương	Tại khoản 4 Điều 73, đề nghị làm rõ "cơ quan nhà nước có thẩm quyền" là cơ quan nào.	Tiếp thu Đã làm rõ cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm trong dự thảo Luật
	Bộ Công Thương	Tại Điều 73: Đề nghị làm rõ cơ quan nào là cơ quan xác định doanh nghiệp "đã tuân thủ đúng, đầy đủ quy định và các yêu cầu theo văn bản cho phép thử nghiệm của cơ quan có thẩm quyền"	Tiếp thu Cơ quan xác định doanh nghiệp "đã tuân thủ đúng, đầy đủ quy định và các yêu cầu theo văn bản cho phép thử nghiệm của cơ quan có thẩm quyền" là cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm.
	Gia Lai	- Tại Điều 68, nội dung "...và hai (02) đĩa CD lưu trữ bản quét bộ hồ sơ...", đề nghị xem xét bổ sung loại hình lưu trữ khác như USB hoặc cho phép gửi file mềm... cho phù hợp trong tương lai.	Tiếp thu. Bộ TTTT đã tiếp thu và điều chỉnh lại nội dung này tại Điều 68 như sau: "Hồ sơ đề nghị thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số (sau đây gọi là hồ sơ đề nghị) bao gồm các tài liệu cụ thể như sau: " và bổ sung thêm quy định tại Khoản 1 Điều 69 như sau: ""Hồ sơ đề nghị được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa của cơ quan đầu mối nhận, xử lý đề nghị thử nghiệm hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.""
	Thanh Hóa	- Trong nội dung của Khoản 1. Điều 67. Triển khai cơ chế thử nghiệm trong dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số viết: "1. Thời gian	Tiếp thu Đã bổ sung tại khoản 1 Điều 70 "Thời gian gia

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		thử nghiệm tối đa hai (02 năm) tính từ thời điểm được cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm. Thời gian thử nghiệm có thể được gia hạn hoặc kết thúc theo quy định tại Điều 73 của Luật này". Nhưng nội dung tại Điều 73 lại quy định về Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp tham gia thử nghiệm, không có sự gắn kết với Khoản 1. Điều 67.	hạn tối đa 03 năm tính từ thời điểm được cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn."
	Phú Yên	8. Tại khoản 3 Điều 73 xem điều chỉnh lại cho đúng "Thực hiện trách nhiệm bảo vệ khách hàng theo quy định của Điều 74 của Luật này."	Tiếp thu Đã chỉnh xác hóa lại dẫn chiếu tại Khoản 3 Điều 73.
	Phú Yên	9. Tại Mục 3 Chương IV "Cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số" đề nghị làm rõ trách nhiệm sau thử nghiệm, đảm bảo đầu thầu khách quan khi đưa vào sử dụng chính thức.	Giải trình Mục tiêu của Cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số là để đánh giá, đề xuất các chính sách, quy định quản lý, thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới.
	Hòa Bình	- Xem xét, bổ sung các loại hình lưu trữ khác tại nội dung "...và hai (02) đĩa CD lưu trữ bản quét bộ hồ sơ..." của Điều 68 (ví dụ như USB hoặc cho phép gửi file mềm...) để phù hợp với thực tế hiện nay và trong tương lai.	Tiếp thu
	Tổng công ty viễn thông Mobifone	Đề xuất quy định cụ thể về thời hạn thực hiện các công việc tại các điểm b, c, khoản 6 Điều 67 Dự thảo Luật.	Tiếp thu Dự thảo đã tiếp thu chỉnh sửa theo hướng: Bỏ Khoản c Điều này và điều chỉnh Khoản b như sau: "Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số nhưng chưa rõ phải gửi hồ sơ đề nghị đến bộ, ngành, địa phương nào thì có thể gửi Bộ Thông tin và

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
			Truyền thông tổng hợp. Trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Trong vòng 05 ngày làm việc, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định giao một cơ quan là đầu mối xử lý tên cơ sở đề xuất của Bộ Thông tin và Truyền thông."
	Tổng công ty viễn thông Mobifone	Đề xuất điều chỉnh quy định như sau: "Hồ sơ đề nghị thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số (sau đây gọi là hồ sơ đề nghị) gồm hai (02) bộ hồ sơ đề nghị và hai (02) đĩa CD (hoặc USB/StORAGE) lưu trữ bản quét bộ hồ sơ đề nghị đầy đủ, mỗi bộ hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu cụ thể như sau: "	Tiếp thu. Bộ TTTT đã tiếp thu và điều chỉnh lại nội dung này tại Điều 68 như sau: "Hồ sơ đề nghị thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số (sau đây gọi là hồ sơ đề nghị) bao gồm các tài liệu cụ thể như sau: " và bổ sung thêm quy định tại Khoản 1 Điều 69 như sau: ""Hồ sơ đề nghị được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa của cơ quan đầu mối nhận, xử lý đề nghị thử nghiệm hoặc trực tiếp tuyển tại Công dịch vụ công quốc gia.""
	Tổng công ty viễn thông Mobifone	Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể thời hạn hoàn thành việc thẩm định, kiểm tra hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm của doanh nghiệp trong quy trình xét duyệt tham gia thử nghiệm.	Tiếp thu Đã bổ sung thời hạn cụ thể tại Khoản 3 Điều 67.
	Tổng công ty viễn thông Mobifone	Việc xây dựng và ban hành các khung hành lang pháp lý mới tại Việt Nam thường mất nhiều thời gian và có độ trễ lớn so với tình hình thực tiễn, đặc biệt đối với các lĩnh vực	Tiếp thu. Đã bổ sung tại khoản 1 Điều 70 "Thời gian gia hạn tối đa 03 năm tính từ thời điểm được cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn."

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		công nghệ đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới. Do đó, để tạo thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp tham gia thử nghiệm và gia tăng tính linh động trong quá trình triển khai, đề xuất thay thế quy định giới hạn chỉ cho phép gia hạn thử nghiệm tối đa 01 lần, thay vào đó việc gia hạn thử nghiệm sẽ tùy thuộc vào sự xem xét, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phù hợp với tình hình thực tế.	
	Tổng công ty viễn thông Mobifone	Đề xuất điều chỉnh quy định tại Điều 71.2 như sau: “2. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin của người sử dụng trong và sau quá trình sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thử nghiệm, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.”	Tiếp thu. Bộ TTTT đã tiếp thu và điều chỉnh lại nội dung này tại Điều 69 như sau: “2. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin của người sử dụng trong và sau quá trình sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thử nghiệm, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.”
	Tổng công ty viễn thông Mobifone	Đối với quy định về thời hạn xử lý yêu cầu tra soát, khiếu nại: đề xuất cơ quan soạn thảo xem xét do việc đặt ra thời hạn cố định “5 ngày làm việc” là chưa thực sự khả thi do thời hạn này sẽ phụ thuộc rất lớn vào mức độ phức tạp của nghiệp vụ sản phẩm/dịch vụ được thử nghiệm trên thực tế (VD: các dịch vụ ứng dụng công nghệ đổi mới như dịch vụ trung gian thanh toán hiện đang được pháp luật quy định thời hạn giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại lên tới 45 ngày làm việc³). Theo đó, đề xuất điều chỉnh quy định theo hướng thời gian thực hiện	Tiếp thu. Bộ TTTT đã tiếp thu và điều chỉnh lại nội dung này tại Điều 69 như sau: “a) Tiếp nhận và có biện pháp xử lý mọi yêu cầu tra soát, khiếu nại bằng văn bản, qua tổng đài điện thoại, nền tảng trực tuyến hoặc thư điện tử của người sử dụng. Thời gian thực hiện giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại thực hiện theo phương án tại hồ sơ đề nghị thử nghiệm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.”

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại sẽ được thực hiện theo phương án tại hồ sơ đề nghị thử nghiệm đã được cơ quan nhà nước phê duyệt.	
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề nghị bổ sung nội dung về “Đánh giá sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sau thử nghiệm”. Lý do: cần có quy định, quy trình về việc đánh giá việc thử nghiệm trong và sau quá trình thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sau khi được xét duyệt tham gia thử nghiệm... Từ đó nắm bắt tiến độ, kết quả và có các điều chỉnh cần thiết.	Tiếp thu Đã chỉnh sửa, bổ sung nội dung tại Điều 58 quy định trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong đó bao gồm việc đánh giá sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sau thử nghiệm và là căn cứ xem xét, trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện khung pháp lý (nếu phù hợp)
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “1. Cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số (sau đây gọi là cơ chế thử nghiệm) là việc cho phép tổ chức, doanh nghiệp thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong môi trường thị trường trực tiếp, có giới hạn về không gian, thời gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm và chịu sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền”. - Đề xuất đưa định nghĩa thuật ngữ “cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số” từ khoản 1 Điều 67 Dự thảo lên Điều 3 Dự thảo (giải thích từ ngữ). Lý do: Để làm rõ định nghĩa về “cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số”. Tham khảo các định nghĩa về “cơ chế thử nghiệm” của các nước trên thế giới: 1. Quy định của Cơ quan quản lý tài chính	Giải trình. Bộ TTTT đã tham khảo các quy định trong nước và kinh nghiệm quốc tế đề xuất định nghĩa cơ chế thử nghiệm. Việc quy định định nghĩa ở Mục này để bảo đảm để áp dụng vì cơ chế này chủ yếu được quy định tại mục này mà không quy định trong toàn bộ dự thảo Luật.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		Vương quốc Anh (FCA): “Cơ chế thử nghiệm (regulatory sandbox) là một phần của đổi mới sáng tạo, cho phép các công ty thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh sáng tạo trong môi trường thị trường trực tiếp, đồng thời đảm bảo có các biện pháp bảo vệ thích hợp” (Regulatory sandbox lessons learned report, FCA, 10/2017). 2. Ban Chính sách về các chính sách Kinh tế, Khoa học và Chất lượng Cuộc sống, Nghị viện Châu Âu: “Cơ chế thử nghiệm cung cấp một cơ chế đặc biệt, trong đó các công ty có thể thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ tài chính hoặc mô hình kinh doanh sáng tạo với khách hàng thực tế trong một môi trường được kiểm soát và với các biện pháp bảo vệ. Nó có thể được coi là một cách thử nghiệm quy định, cho phép người giám sát thử nghiệm quy định tùy chỉnh nhất định đối với một dịch vụ, sản phẩm hoặc mô hình kinh doanh sáng tạo” (Regulatory Sandboxes and Innovation Hubs for FinTech, Radostina PARENTI, European Parliament, Policy Department for Economic, Scientific and Quality of Life Policies). 3. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF): “Cơ chế thử nghiệm là một khuôn khổ do cơ quan quản lý khu vực tài chính thiết lập để cho phép thử nghiệm trực tiếp quy mô nhỏ các đổi mới sáng tạo của các công ty tư nhân trong một môi	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		trường được kiểm soát dưới sự giám sát của cơ quan quản lý” (FinTech: The Experience so far, IMF Policy Paper, June 2019, IMF, Washington D.C.). 4. Ngân hàng thế giới (World Bank): “Cơ chế thử nghiệm là một môi trường thử nghiệm trực tiếp, có giới hạn thời gian, được kiểm soát, có thể có các miễn trừ quy định pháp lý theo ý định của cơ quan quản lý”(Global Experiences from Regulatory Sandboxed, 2020).	
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Đề nghị đưa nội dung này thành tiêu chí xem xét áp dụng cơ chế thử nghiệm cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số tại Điều 69 Dự thảo và sửa đổi, bổ sung như sau: 1. Các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được xem xét áp dụng cơ chế thử nghiệm khi đáp ứng các tiêu chí sau: - Có tính đổi mới sáng tạo; - Có khả năng mang lại hiệu quả cao, đột phá về kinh tế - xã hội hoặc tạo ra mô hình kinh doanh mới bằng cách hội tụ trong lĩnh vực công nghệ số hoặc giữa công nghệ số và các ngành lĩnh vực khác; - Chưa có pháp luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể trường hợp các luật hoặc quy định quản lý việc cấp phép không đưa ra các tiêu chuẩn, tiêu chí, yêu cầu quản lý cho việc áp dụng cho sản	Tiếp thu và đã điều chỉnh trong dự thảo Luật.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		phẩm, dịch vụ công nghệ số hoặc việc áp dụng tiêu chuẩn, tiêu chí, yêu cầu quản lý trong các luật, quy định quản lý việc cấp phép chưa rõ ràng hoặc chưa hợp lý. - Sự cần thiết và sự sẵn sàng cho thử nghiệm trong cơ chế thử nghiệm. Lý do: Đề rõ ràng và phù hợp với nguyên tắc tại Điều 68 Dự thảo: “Bảo đảm công khai, minh bạch về tiêu chí, điều kiện, quy trình đánh giá lựa chọn”.	
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề nghị bổ sung nội dung sau: “6. Chính phủ quy định chi tiết việc triển khai cơ chế thử nghiệm”. Lý do: Đề xuất Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn triển khai cơ chế thử nghiệm, do nội dung này còn cần nhiều quy định chi tiết để hướng dẫn trong quá trình triển khai như chưa có cơ chế đề tổ chức, doanh nghiệp xác định đã có quy định pháp luật điều chỉnh cho sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đề xuất cơ chế thử nghiệm hay chưa,.... Đề xuất đưa các nội dung tại Điều 70, 71, 72, 73 Dự thảo vào nội dung Nghị định hướng dẫn triển khai cơ chế thử nghiệm. Tham khảo quy định của pháp luật Hàn quốc: Tại Đạo luật đặc biệt để thúc đẩy công nghệ thông tin và hội tụ (Special act on promotion of information and communications technology and vitalization of convergence	Giải trình. Cơ chế thử nghiệm là quy định đột phá của dự thảo Luật. Đề hình thành kịp thời quy định cho việc thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thì việc quy định chi tiết trong Luật là rất cần thiết để có thể triển khai ngay sau khi Luật được ban hành, tránh việc mất nhiều thời gian cho việc ban hành Nghị định hướng dẫn chi tiết nội dung này.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		thereof) cơ chế thử nghiệm được quy định tại Điều 37 đến Điều 40, trong đó quy định các trường hợp được thử nghiệm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thử nghiệm, thu hồi giấy phép thử nghiệm, các trường hợp ngoại lệ của giấy phép thử nghiệm. Tại Nghị định thi hành Đạo luật đặc biệt để thúc đẩy công nghệ thông tin và hội tụ (Enforcement Decree of the Special act on promotion of information and communications technology and vitalization of convergence thereof) quy định chi tiết về cơ chế thử nghiệm (từ Điều 40 đến Điều 42) quy định trình tự triển khai thử nghiệm, thời hạn thử nghiệm, trình tự bồi thường cho các thiệt hại gây ra do giấy phép thử nghiệm, hồ sơ đề nghị thử nghiệm,	
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Đề xuất: - Xem xét nội dung tham chiếu đến “Điều 54 của Luật này”. - Làm rõ thời gian thử nghiệm tối đa hai (02 năm) tính từ thời điểm được cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm là thời gian thử nghiệm lần đầu hay đã tính cả thời gian được gia hạn thử nghiệm. Lý do: Tại Điều 54 liên quan đến nội dung khác: “Điều 54. Bảo đảm kinh phí xây dựng, quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ	Tiếp thu. Bộ TTTT đã chuẩn xác hóa các tham chiếu và quy định rõ thời gian thử nghiệm, thời gian gia hạn thử nghiệm trong dự thảo Luật.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		số”. - Làm rõ thời gian thử nghiệm tới đa hai (02 năm) là thời gian thử nghiệm lần đầu hay đã bao gồm thời gian gia hạn thử nghiệm.	
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Điều 71 Dự thảo Luật đang quy định về việc nộp hồ sơ đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm, thời hạn bỏ sung và giải trình hồ sơ, thời hạn phải tiến hành thử nghiệm sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Đề xuất bỏ sung các thêm một số quy định nhằm đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch trong quá trình xét duyệt. Cụ thể như sau: (i) Quy định về quy trình xét duyệt tham gia thử nghiệm nên xác định thời hạn cụ thể cho từng giai đoạn xử lý từ khi nhận hồ sơ, thẩm định, yêu cầu bổ sung, đến khi ra quyết định cuối cùng, để tránh tình trạng kéo dài và đảm bảo tính minh bạch. (ii) Hướng dẫn rõ ràng về các bước doanh nghiệp cần thực hiện trong giai đoạn thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sau khi được phê duyệt. (iii) Bổ sung cơ chế khiếu nại hoặc giải quyết tranh chấp nếu doanh nghiệp không đồng ý với quyết định từ chối thử nghiệm của cơ quan có thẩm quyền hoặc có vấn đề phát sinh trong quá trình thử nghiệm. Lý do: Các đề xuất bỏ sung trên sẽ giúp quy trình xét duyệt tham gia thử nghiệm trở nên rõ	Tiếp thu. Bộ TTTT đã rà soát, bổ sung các quy định cụ thể về quy trình nộp và xét duyệt hồ sơ và quy định rõ các nội dung về trách nhiệm doanh nghiệp trong đó có giải quyết khiếu nại.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		ràng, minh bạch và công bằng hơn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ công nghệ số sáng tạo, chất lượng, từ đó thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường công nghệ số.	
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	-Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “1. Trong trường hợp khung pháp lý liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được cho phép thử nghiệm chưa được hoàn thiện trước thời điểm hết thời gian thử nghiệm 60 ngày, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm được gia hạn không quá một (01) lần. Thời gian gia hạn theo đề xuất của doanh nghiệp nhưng không vượt quá hai (02) năm. 2. Hồ sơ đề nghị gia hạn thử nghiệm nộp cho cơ quan có thẩm quyền trước thời điểm hết thời gian thử nghiệm 60 ngày. 3. Kết thúc việc thử nghiệm khi xảy ra một trong các sự kiện sau: a) Hết thời hạn thử nghiệm trên văn bản cho phép thử nghiệm mà doanh nghiệp không có đề nghị gia hạn hoặc không được gia hạn theo quy định của pháp luật; b) Khung pháp lý liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được cho phép thử nghiệm đã hoàn thiện; c) Khi phát hiện doanh nghiệp có hành vi gian	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung một khoản quy định về các trường hợp kết thúc thử nghiệm.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		đổi hoặc cung cấp thông tin giả mạo để được cấp văn bản cho phép thử nghiệm; d) Có đề nghị chấm dứt việc thử nghiệm từ phía doanh nghiệp tham gia thử nghiệm; đ) Doanh nghiệp tham gia thử nghiệm không triển khai thử nghiệm sau 90 ngày kể từ ngày được phê duyệt cho phép thử nghiệm hoặc không thực hiện đúng các nội dung thử nghiệm đã được phê duyệt. Đề xuất: Khoản 2 Điều 72: bỏ sung quy định Hồ sơ đề nghị gia hạn thử nghiệm gồm những tài liệu nào Lý do: Để rõ ràng và đầy đủ hơn.	
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “Điều 74. Quyền và trách nhiệm của Cơ quan có thẩm quyền Cơ quan có thẩm quyền là cơ quan ban hành văn bản cho phép triển khai cơ chế thử nghiệm có quyền hạn và trách nhiệm sau đây: ” Lý do: Để rõ ràng hơn.	Tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề nghị bổ sung khoản quy định cụ thể về việc liên doanh, liên kết phát triển sản phẩm với doanh nghiệp bán dẫn nước ngoài (cho tương ứng hợp doanh nghiệp nhà nước và tư vấn trong nước) Lý do: Thực tế phát sinh trong quá trình Viettel làm việc với các đối tác.	Tiếp thu Đã cập nhật, bổ sung trong dự thảo Luật

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)		Đề nghị bổ sung các khoản quy định về việc: - Có cơ chế miễn giảm học phí, ưu đãi học phí cho các sinh viên học các ngành liên quan trực tiếp đến công nghiệp bán dẫn tại các Trường đại học thuộc quản lý nhà nước. - Có cơ chế ưu tiên sử dụng sản phẩm vi mạch bán dẫn do doanh nghiệp trong nước nghiên cứu thiết kế. - Có cơ chế đặc thù về việc đầu tư nghiên cứu các sản phẩm vi mạch bán dẫn mà chưa yêu cầu tính toán hiệu quả hoàn vốn trong vòng 3-5 năm đầu tiên với doanh nghiệp nhà nước Lý do: Thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực bán dẫn trong nước, thúc đẩy nghiên cứu thiết kế sản phẩm bán dẫn trong nước.	Tiếp thu Đã cập nhật, bổ sung trong dự thảo Luật
Hội truyền thông số		Về cơ chế thử nghiệm: - Thứ nhất, quy định miễn trách nhiệm pháp lý “doanh nghiệp tham gia thử nghiệm được miễn trách nhiệm dân sự nếu gây thiệt hại cho Nhà nước, được loại trừ trách nhiệm hành chính, hình sự khi đã tuân thủ đúng, đầy đủ quy định và các yêu cầu theo văn bản cho phép thử nghiệm của cơ quan có thẩm quyền” mang tính đột phá, tạo không gian thử nghiệm an toàn cho các doanh nghiệp triển khai công nghệ số mới. Tuy nhiên, hiện nay, dự thảo luật quy định trường hợp doanh nghiệp thử nghiệm chịu trách nhiệm pháp lý là “trong quá trình thử nghiệm đã biết hoặc buộc phải biết về	Giải trình. Bộ TTTT thấy rằng việc quy định doanh nghiệp “có khả năng” biết là không phù hợp vì các quy định pháp lý được ban hành và hướng dẫn nên khi doanh nghiệp muốn thử nghiệm sản phẩm thì phải nắm rõ quy định pháp luật liên quan, nếu cần thiết có thể yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền hướng dẫn.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		nguy cơ rủi ro nhưng không kịp thời thông tin, báo cáo cơ quan có thẩm quyền và không áp dụng đầy đủ biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, hạn chế mức độ thiệt hại có thể xảy ra” dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp trong thực tế: trường hợp “bước phải biết” được hiểu là pháp luật yêu cầu doanh nghiệp phải biết nhưng doanh nghiệp do lỗi vô ý nên đã không biết, điều này không hợp lý trong quá trình thử nghiệm bởi vì cả nhà nước và doanh nghiệp đều chưa lường hết được toàn bộ rủi ro có thể xảy ra nên không thể bắt buộc doanh nghiệp buộc phải biết về rủi ro. Đề nghị quy định trường hợp doanh nghiệp thử nghiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý là “doanh nghiệp có khả năng biết về nguy cơ rủi ro nhưng không thông báo đến cơ quan quan có thẩm quyền và không áp dụng đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn đã nêu trong hồ sơ thử nghiệm để ngăn ngừa, hạn chế mức độ thiệt hại có thể xảy ra”. Các điều kiện doanh nghiệp có khả năng biết về thiệt hại bao gồm: doanh nghiệp tự mình phát hiện ra lỗi của sản phẩm/dịch vụ, và người dùng hoặc các bên khác cảnh báo/phản hồi về lỗi của sản phẩm, dịch vụ. - Thứ hai, đề nghị quy định cụ thể về thời gian xác nhận đã nhận hồ sơ đề nghị thử nghiệm của doanh nghiệp.	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		- Thứ ba, đề nghị quy định các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công khai thông tin về quy trình, đầu mối phụ trách cơ chế thử nghiệm do Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phụ trách trên công thông tin điện tử để doanh nghiệp dễ dàng tra cứu, tìm hiểu, liên hệ.	
IV.4		Mục 3. Công nghiệp bán dẫn	
Mục 3. Công nghiệp bán dẫn	Bộ Công Thương	Về công nghiệp bán dẫn Bộ Công Thương đang xây dựng đề nghị xây dựng Luật sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm, trong đó có chính sách phát triển ngành sản xuất sản phẩm, thiết bị bán dẫn. Do vậy, để đảm bảo chính sách phát triển các ngành công nghiệp được tập trung, đồng bộ và thống nhất trong quản lý ngành, lĩnh vực, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Công Thương trong việc xây dựng các quy định pháp luật, chính sách phát triển công nghiệp bán dẫn trong quá trình xây dựng dự thảo Luật sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm trình Quốc hội.	Giải trình Theo Nghị quyết 29 về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chỉ đạo của Chính phủ, đã giao Bộ Thông tin và Truyền thông khẩn trương xây dựng Chiến lược, cơ chế chính sách đặc thù cho ngành công nghiệp bán dẫn để đón đầu làn sóng dịch chuyển đầu tư. Theo đó, Luật Công nghiệp công nghệ số quy định các nội dung về công nghiệp bán dẫn là phù hợp với chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước. Trong quá trình xây dựng Luật, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ phối hợp với Bộ Công Thương để xây dựng chính sách cho ngành công nghiệp bán dẫn.
	Kon Tum	Tại mục 4: cần xem xét quy định cơ quan chủ trì tham mưu (hoặc ban hành theo thẩm quyền) tiêu chuẩn, quy chuẩn, chính sách về Công nghiệp bán dẫn.	Giải trình Hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện theo quy định của Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Gia Lai	- Tại Điều 74, có đề cập tới hoạt động sản xuất vật liệu bán dẫn, nhưng khoản 3, Điều 1 không có; do đó, đề nghị xem xét bổ sung thêm hoạt động này vào khoản 3, Điều 1.	Giải trình Trong hoạt động sản xuất bán dẫn đã bao gồm hoạt động sản xuất vật liệu bán dẫn
	Thanh Hóa	- Trong nội dung của Khoản 3. Điều 73. Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp tham gia thử nghiệm trong dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số viết: "3. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ khách hàng theo quy định của Điều 74 của Luật này ". Nhưng nội dung tại Điều 74 lại quy định về Hoạt động công nghiệp bán dẫn, không có sự gắn kết với Khoản 3. Điều 73.	Tiếp thu Đã chỉnh sửa chính xác hoá tham chiếu trong dự thảo Luật
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Về quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp tham gia thử nghiệm Điều 74 không đề cập đến trách nhiệm bảo vệ khách hàng, đề nghị rà soát và chỉnh sửa	Tiếp thu Đã bổ sung quy định về trách nhiệm bảo vệ khách hàng của doanh nghiệp tham gia cơ chế thử nghiệm tại khoản 3 Điều 59 dự thảo Luật
IV.5		Mục 4. Trí tuệ nhân tạo	
Mục 4. Trí tuệ nhân tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị xem xét sửa đổi "Chương trình thúc đẩy phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo" (khoản 3, Điều 78) thành "Kế hoạch thúc đẩy phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo" vì hiện nay đã có "Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030" theo Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 trong đó đã có định hướng về "phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo", đồng thời Bộ KH&CN đã có Chương trình khoa học	Tiếp thu Đã bỏ nội dung này trong dự thảo

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		và công nghệ cấp quốc gia để hỗ trợ, thúc đẩy nghiên cứu phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (KC-4.0/19-30). Vì vậy, việc xây dựng “Kế hoạch thúc đẩy phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo từng thời kỳ 5 năm” phù hợp hơn.	
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị xem xét để đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao của các Bộ, ngành (khoản 1, Điều 79). Đối với lĩnh vực nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, hiện Bộ KH&CN đã ban hành Quyết định số 1290/QĐ-BKHCN về việc hướng dẫn một số nguyên tắc về nghiên cứu, phát triển các hệ thống trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm; và đang tiếp tục nghiên cứu để xây dựng các văn bản quy phạm liên quan đến vấn đề này trong nghiên cứu và phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo.	Tiếp thu Đã bỏ nội dung này trong dự thảo
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tại Điều 81, việc quản lý đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo theo cấp độ rủi ro là cách tiếp cận của Liên minh châu Âu (EU) thể hiện trong Đạo luật về trí tuệ nhân tạo (AI Act). Tuy nhiên, thực tế trên thế giới việc quản lý rủi ro hệ thống trí tuệ nhân tạo còn có các cách tiếp cận khác và AI Act hiện chưa áp dụng thực tế để thấy được sự phù hợp. Vì vậy, cần xem xét và cân nhắc việc đưa cách tiếp cận theo cấp độ vào dự thảo Luật; và nên cân nhắc chắc chắn về sự phù hợp của các biện pháp quản lý, bao gồm cả các quy định pháp lý bắt buộc (cùng	Tiếp thu và Giải trình AI mang lại nhiều lợi ích, tuy nhiên cũng mang lại nhiều rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, an toàn, quyền con người. Do đó cần quản lý rủi ro của AI để bảo đảm AI phát triển an toàn, có trách nhiệm. Dự thảo đã được điều chỉnh làm rõ hệ thống AI sử dụng trong một số ngành/lĩnh vực, trong một số trường hợp khi ảnh hưởng đến sức khỏe, an toàn, quyền con người... được coi là hệ thống AI rủi ro cao và Chính phủ quy định chi tiết về tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác định hệ thống trí tuệ nhân tạo rủi ro

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		chế tài xử lý tương ứng) và các quy định mềm có tính khuyến nghị (hướng dẫn, tiêu chuẩn).	cao và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan. Những hệ thống AI không gây ra rủi ro đến sức khỏe, an toàn, quyền con người không phải hệ thống rủi ro cao và không đặt biện pháp quản lý. Quy định này nhằm bảo đảm AI cần chịu sự giám sát của con người, an toàn, tin cậy.
	Gia Lai	- Tại khoản 2, Điều 77, nội dung “Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí mua thiết bị hiện đại cho doanh nghiệp sản xuất, mức hỗ trợ không quá 5% tổng chi phí”. Đề nghị làm rõ đối tượng doanh nghiệp được hỗ trợ là trong nước hoặc ngoài nước hay là cả hai loại hình này. Vì hiện nay đối với chi phí mua thiết bị sản xuất chip bán dẫn rất lớn.	Tiếp thu Đã loại bỏ nội dung này trong Dự thảo Luật.
	Tổng công ty viễn thông Mobifone	Trong bối cảnh hiện nay, hoạt động phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo đang cần được tạo điều kiện, thúc đẩy mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, nghiên cứu, phát triển. Trong khi đó, nội dung quy định về các hành vi nghiêm cấm tại dự thảo đang mang tính khái quát khá cao, chưa thực sự cụ thể, có thể trở thành rào cản gây trở ngại, vướng mắc cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia vào lĩnh vực này. Do đó, đề xuất cơ quan soạn thảo xem xét quy định về vấn đề này mà chỉ thực hiện quản lý rủi ro theo Điều 81, Điều 82 của Dự thảo Luật và theo đó các hành vi nghiêm	Tiếp thu Đưa các hành vi bị cấm liên quan đến hệ thống trí tuệ nhân tạo vào Khoản 5 Điều 6.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		cầm trong việc liên quan đến hoạt động trí tuệ nhân tạo sẽ được thực hiện theo pháp luật chuyên ngành trong từng lĩnh vực cụ thể.	
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề nghị định nghĩa rõ khái niệm “Suy đoán cảm xúc” Lý do: Xu thế ứng dụng AI trong sản xuất, kinh doanh: Phân tích, suy đoán cảm xúc của khách hàng (theo đặc điểm sinh trắc học) với sản phẩm, thái độ phục vụ của nhân viên, nhằm mục đích phát triển, tiếp thị sản phẩm mới cũng như cải thiện môi trường làm việc, môi trường kinh doanh	Tiếp thu Đã bỏ khái niệm “Suy đoán cảm xúc” ra khỏi dự thảo Luật.
	Hội truyền thông số	Về trí tuệ nhân tạo, trên tinh thần và nguyên tắc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đề nghị hạn chế quy định các nghĩa vụ mới cho doanh nghiệp phát triển, kinh doanh sản phẩm/dịch vụ trí tuệ nhân tạo mà nên sử dụng cơ chế thử nghiệm kết hợp với ban hành các bộ quy tắc đạo đức, các hướng dẫn phát triển các hệ thống trí tuệ nhân tạo an toàn. Do đó, đề nghị sửa đổi quy định “Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn phân loại cấp độ rủi ro, các biện pháp và nghĩa vụ, trách nhiệm bảo đảm giảm thiểu rủi ro của hệ thống trí tuệ nhân tạo theo từng cấp độ” thành “Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành các hướng dẫn phân loại cấp độ rủi ro và quy tắc phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo an toàn”.	Tiếp thu và giải trình Đã điều chỉnh theo hướng xác định hệ thống AI rủi ro cao gây ảnh hưởng đến sức khỏe, an toàn, quyền con người... và Chính phủ quy định chi tiết về tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác định hệ thống trí tuệ nhân tạo rủi ro cao và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan. Đã bỏ quy định “Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn phân loại cấp độ rủi ro, các biện pháp và nghĩa vụ, trách nhiệm bảo đảm giảm thiểu rủi ro của hệ thống trí tuệ nhân tạo theo từng cấp độ”

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
V		Chương V. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG NGHIỆP SỐ	
Chương V. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ 5.2	Bộ Nội vụ	Về trách nhiệm quản lý nhà nước, đề nghị không quy định tại khoản 5 Điều 83 nhằm bảo đảm tính ổn định của dự án Luật và đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương.	Tiếp thu Bỏ khoản 5 Điều 83 (nay là Điều 71).
	Bộ Công an	Đề nghị lược bỏ quy định tại khoản 4 Điều 84 về cấp, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi các loại giấy chứng nhận, chứng chỉ về công nghiệp công nghệ số vì trong dự thảo Luật không quy định về nội dung này	Tiếp thu Đã rà soát, lược bỏ nội dung về "chứng chỉ"; các nội dung khác giữ nguyên vì có trong Dự thảo Luật
	Bộ Công Thương	Tại khoản 4 Điều 84: đề nghị làm rõ các loại giấy chứng nhận, chứng chỉ về công nghiệp công nghệ số là giấy gì.	Giải trình Đây chỉ là quy định chung về chức năng quản lý nhà nước, các giấy phép, giấy chứng nhận sẽ quy định cụ thể trong các điều, khoản của dự thảo.
	Bắc Giang	2. Về quản lý nhà nước: Làm rõ vai trò của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều 83, có thể quy định: "Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số." Điều này tương tự quy định tại Điều 38 Luật Công nghệ thông tin.	Giải trình Đã quy định về vai trò của Bộ Thông tin và Truyền thông trong dự thảo Luật
	Tập đoàn công nghiệp viên	Đề xuất bỏ sung cụ thể trách nhiệm của "Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Thông tin và Truyền thông	Giải trình Điều 67 dự thảo Luật đã quy định trách nhiệm quản lý của các bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	thông quan đội (Viettel)	các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số”. Lý do: Dự thảo chưa đề cập cụ thể trách nhiệm của các đơn vị này.	nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Việc phân cấp Sở TTTT do UBND tỉnh thực hiện, không quy định trong dự thảo Luật.
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Đề xuất bổ sung trong dự thảo Luật trách nhiệm, quyền hạn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong hoạt động công nghiệp Công nghệ số Lý do: Tại dự thảo Luật có đề cập đến đảm bảo quốc phòng, an ninh trong hoạt động công nghiệp công nghệ số (VD: Điều 5. Đảm bảo an toàn, an ninh trong hoạt động công nghiệp Công nghệ số; tại Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công nghiệp công nghệ số,...).	Giải trình Dự thảo luật tập trung các biện pháp, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số. Điều 67 dự thảo Luật quy định trách nhiệm quản lý bộ, ngành có liên quan trong quản lý hoạt động công nghiệp công nghệ số thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình. Đồng thời, các yêu cầu về đảm bảo an toàn, an ninh trong hoạt động công nghiệp công nghệ số thực hiện theo quy định của các pháp luật chuyên ngành.
VI	Bộ Quốc Phòng	Chương VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH c) Tại Điều 88 (Hiệu lực thi hành): Đề nghị nghiên cứu, rà soát bãi bỏ những khoản của Điều 52 Luật Công nghệ thông tin trùng lặp với dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số. Lý do: Điều 52 Luật Công nghệ thông tin quy định nhiều loại hình dịch vụ (10 loại hình) trong đó có các loại hình dịch vụ công nghệ	Giải trình Dự thảo đã tuyên bố Điều 52 Luật Công nghệ thông tin, đồng thời quy định các hoạt động cung cấp dịch vụ công nghệ số tại khoản 2 Điều 7; không bao gồm các dịch vụ như chứng thực chữ ký điện tử...

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		thông tin không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật công nghiệp công nghệ số (Ví dụ: Dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử, ...).	Dịch vụ chữ ký điện tử là một loại hình dịch vụ tin cậy đang được thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về an toàn thông tin
	Bộ Xây dựng	Đề nghị điều chỉnh khoản 5, Điều 85 như sau: “5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng: Bổ sung cụm từ “khu công nghệ số” vào khoản 25, Điều 3; Điểm b, Khoản 1, Điều 24; Điểm b, Khoản 1, Điều 34 và Khoản 2, Điều 103 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14”	Tiếp thu Đã chỉnh sửa, bổ sung tại Điều 85.
	Bộ Tài nguyên môi trường	Khoản 6 Điều 85, đề nghị rà soát việc “Bổ sung cụm từ “khu công nghệ số” vào điểm d khoản 2 Điều 26 Luật đất đai số 31/2024/QH15” do Điều 26 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 không có điểm d khoản 2.	Tiếp thu Đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật
	Bộ Công Thương	Về hiệu lực thi hành Tại khoản 3 Điều 85 của dự thảo Luật có quy định thay thế các cụm từ: “công nghiệp công nghệ thông tin” bằng “công nghiệp công nghệ số”; “sản phẩm công nghệ thông tin” bằng “sản phẩm công nghệ số”; “dịch vụ công nghệ thông tin” bằng “dịch vụ công nghệ số”; “khu công nghệ thông tin tập trung” bằng “khu công nghệ số” tại Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 và các văn bản quy phạm pháp	Tiếp thu Sẽ bổ sung việc rà soát các văn bản dưới Luật có liên quan cần thiết phải thay thế các nội hàm này, bảo đảm thống nhất trong quá trình thực thi.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		luật có liên quan. Quy định này có thể dẫn đến nhiều tác động đối với hệ thống pháp luật, thủ tục hành chính khác có liên quan. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, tổng kết có bao nhiêu văn bản dưới Luật có quy định về công nghệ thông tin, phân tích, đánh giá đầy đủ trong tài liệu Báo cáo đánh giá tác động của chính sách. Ví dụ: Nghị định số 17/2019/NĐ-CP này 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2024/NĐ-CP) có căn cứ Luật Công nghệ thông tin. Như vậy, việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định tại Nghị định này hay là thuê dịch vụ công nghệ số như tại dự thảo Luật có nêu.	
	Bắc Kạn	1. Tại Khoản 3 Điều 85 của dự thảo Luật, đề nghị bổ sung đầy đủ ngày ban hành văn bản như sau: “3. Thay thế các cụm từ: “công nghiệp công nghệ thông tin” bằng “công nghiệp công nghệ số”; “khu công nghệ thông tin tập trung” bằng “khu công nghệ số” tại Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.” Lý do: Đảm bảo tính chính xác của văn bản.	Tiếp thu Đã chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 85

TT	Đơn vị gộp ý	Nội dung được gộp ý	Tiếp thu, giải trình
Bắc Kạn		2. Tại khoản 4 Điều 85 của dự thảo Luật, đề nghị bổ sung đầy đủ ngày ban hành và tên đầy đủ của luật như sau: “4. Sửa đổi, bổ sung a) Điểm đ khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đầu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự, Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022, Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Luật số 09/2022/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tần số vô tuyến điện như sau: “đ) Sản xuất sản phẩm công nghệ số (phần cứng, phần mềm, nội dung số)”. b) Sửa đổi, bổ sung mục 127 thuộc Phụ lục IV - Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17	Tiếp thu Đã chỉnh sửa tại khoản 4 Điều 85

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		tháng 11 năm 2020, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự, Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022, Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Luật tần số vô tuyến điện số 09/2022/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2022 như sau: 27 Dịch vụ tân trang sản phẩm công nghệ số đã qua sử dụng thuộc Danh mục hàng hoá cấm nhập khẩu	
Bắc Kạn		Lý do: Đảm bảo tính chính xác của văn bản. 3. Tại khoản 5 Điều 85 dự thảo Luật, đề nghị bổ sung đầy đủ ngày ban hành và tên đầy đủ của Luật như sau: “5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng: a) Bổ sung cụm từ “khu công nghệ số” vào khoản 25 Điều 3 và khoản 2 Điều 103 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm	Tiếp thu Đã chỉnh sửa tại khoản 5 Điều 85

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		2019 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng” Lý do: Đảm bảo tính chính xác của văn bản.	
	Bắc Kạn	4. Tại khoản 6 Điều 85 dự thảo Luật, đề nghị bổ sung đầy đủ ngày ban hành và tên đầy đủ của luật như sau: “6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai a) Bổ sung cụm từ “khu công nghệ số” vào điểm d khoản 2 Điều 26 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024. b) Thay thế cụm từ “khu công nghệ thông tin tập trung” bằng cụm từ “khu công nghệ số” tại khoản 22 Điều 79 và khoản 1 Điều 202 Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024.” Lý do: Đảm bảo tính chính xác của văn bản.	Tiếp thu Đã chỉnh sửa tại khoản 6 Điều 85
	Bắc Kạn	5. Tại khoản 7 Điều 85 dự thảo Luật, đề nghị bổ sung đầy đủ ngày ban hành và tên đầy đủ của luật như sau: “7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch Bổ sung cụm từ “khu công nghệ số” vào điểm d khoản 2 Điều 26, điểm d khoản 2 Điều 27 Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023, Luật Giá số	Tiếp thu Đã chỉnh sửa tại khoản 7 Điều 85

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		16/2023/QH15 ngày 19 tháng 06 năm 2023, Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023.” Lý do: Đảm bảo tính chính xác của văn bản.	
	Bắc Kạn	6. Tại khoản 8 Điều 85 dự thảo Luật, đề nghị bổ sung đầy đủ ngày ban hành và tên đầy đủ của luật như sau: “8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư a) Bổ sung điểm p vào khoản 1 Điều 16 của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đầu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự, Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022, Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Luật tần số vô tuyến điện số 09/2022/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2022, Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 01 tháng 07 năm 2023, Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023,	Tiếp thu Đã chỉnh sửa tại khoản 8 Điều 85

TT	Đơn vị gộp ý	Nội dung được gộp ý	Tiếp thu, giải trình
		Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023, như sau: “p) Hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số”; b) Bổ sung cụm từ “khu công nghệ số” vào khoản 2 Điều 16, tiêu đề Điều 19, khoản 1 Điều 19, điểm c khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 30, khoản 1, 2 Điều 39, điểm b và c khoản 3 Điều 39, điểm g khoản 3 Điều 69 của Luật Dầu tự số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đầu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự, Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022, Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm và Luật tần số vô tuyến điện số 09/2022/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2022, Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22 tháng 06 năm 2023, Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023,	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023.” Lý do: Đảm bảo tính chính xác của văn bản.	
	Bắc Kạn	7. Tại khoản 9 Điều 85 dự thảo Luật, đề nghị bổ sung đầy đủ ngày ban hành và tên đầy đủ của luật như sau: “9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu Bổ sung cụm từ “hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản xuất sản phẩm công nghệ số” vào khoản 18 và khoản 21 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.” Lý do: Đảm bảo tính chính xác của văn bản.	Tiếp thu Đã chỉnh sửa tại khoản 9 Điều 85
	Bắc Kạn	8. Tại khoản 10 Điều 85 dự thảo Luật, đề nghị bổ sung đầy đủ ngày ban hành và tên đầy đủ của luật như sau: “ 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Bổ sung cụm từ “sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số” vào điểm b khoản 1 Điều 13 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 đã được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 , Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 , Luật Dầu khí số	Tiếp thu Đã chỉnh sửa tại khoản 10 Điều 85

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		12/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022, Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023.” Lý do: Đảm bảo tính chính xác của văn bản.	
	Bắc Kạn	9. Đề nghị xem lại nội dung tại khoản 10 Điều 85 dự thảo Luật như sau: “10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Bổ sung cụm từ “sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số” vào điểm b khoản 1 Điều 13 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 đã được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13, Luật số 61/2020/QH14, Luật số 12/2022/QH15, Luật số 15/2023/QH15.” Lý do: Luật được bổ sung vẫn là Luật số 32/2013/QH13.	Tiếp thu Đã chỉnh sửa tại khoản 10 Điều 85
	Hà Tĩnh	Tại Khoản 3 Điều 85 dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét bỏ “3. Thay thế các cụm từ: “công nghiệp công nghệ thông tin” bằng “công nghiệp công nghệ số”; “sản phẩm công nghệ thông tin” bằng “sản phẩm công nghệ số”; “dịch vụ công nghệ thông tin” bằng “dịch vụ công nghệ số”; “khu công nghệ thông tin tập trung” bằng “khu công nghệ số” tại Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11”. Lý do: Các cụm từ trên quy định tại Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 sẽ hết hiệu	Tiếp thu Đã chỉnh sửa khoản 3 Điều 85 trong dự thảo Luật

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		lực ngay sau khi các quy định tại Khoản 2 Điều 85 của dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số có hiệu lực thi hành.	
	Cần Thơ	4. Về Điều khoản chuyển tiếp - Đề nghị trong dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số (CNg CNS) nên có Điều khoản chuyển tiếp khi thay thế các cụm từ tại Điều 88 trong dự thảo Luật; Lý do: khi các dự án lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT) đang được thực hiện theo Luật Công nghệ thông tin, đã có trước khi dự thảo Luật CNg CNS này được ban hành và có hiệu lực, sẽ dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau đối với cơ quan liên quan ngoài ngành TTTT, dẫn đến các dự án sẽ bị ách tắc, đình trệ; - Trong Điều khoản chuyển tiếp: đề xuất đối với các dự án đã có trước khi dự thảo Luật này được ban hành và có hiệu lực, sẽ được thực hiện theo Luật CNTT và các văn bản dưới luật liên quan kèm theo đến khi kết thúc dự án hoặc dự án không còn thực hiện tiếp tục; Đối với các dự án được hình thành từ khi dự thảo Luật CNg CNS được ban hành và có hiệu lực thì sẽ được thực hiện theo dự thảo Luật CNg CNS.	Giải trình Việc quy định thay thế, bổ sung, sửa đổi các cụm từ, từ nhằm đích điều chỉnh quy định pháp luật nhằm không gián đoạn thực thi pháp luật. Do đó, các dự án CNTT đang được thực hiện vẫn tuân thủ theo quy định chính sách hiện hành và Luật công nghiệp công nghệ số.
VII		NHỮNG GÓP Ý CHUNG	
NHỮNG GÓP Ý CHUNG	Bộ Quốc Phòng	1. Một số vấn đề chung a) Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung phân tích làm rõ mối quan hệ	Tiếp thu và làm rõ - Hiện nay đã có các quy định pháp luật về quản lý, cung cấp sử dụng dịch vụ internet và

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		giữa dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số với Luật Công nghiệp; dự thảo Luật Công nghiệp trọng điểm (Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo); Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; ... để đảm bảo không chồng chéo về nội dung, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng với các văn bản quy phạm pháp luật khác. b) Công nghệ số phát triển phát sinh nhiều vấn đề hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ như: Phát sinh các hình thức lừa đảo mới trên không gian mạng; Nạn cung cấp thông tin giả, thu thập dữ liệu cá nhân không đúng quy định và sử dụng cho mục đích thu lợi bất chính; các mô hình kinh doanh, tài sản mới dựa trên công nghệ số (mô hình kinh tế chia sẻ; tiền số, vật phẩm NFT, ...), chưa được quản lý phù hợp. Vì vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu xây dựng dự thảo Luật theo hướng đạt được mục tiêu kép: Vừa bảo đảm phát triển được nền kinh tế số tại Việt Nam, vừa bảo đảm hạn chế được các tác động tiêu cực đối với các mặt khác như kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh,... do sự phát triển quá nhanh của công nghệ số. c) Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các nội dung nhằm kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp công nghệ số nước ngoài nhưng cung cấp sản phẩm, dịch vụ số trên lãnh thổ Việt	thông tin trên mạng. Trong thời gian tới sẽ nghiên cứu, bổ sung phù hợp trong các văn bản liên quan.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		Nam (facebook, google, tiktok, ...) nhằm tránh thất thu thuế của Nhà nước và đảm bảo các nội dung số được cung cấp phù hợp với thuần phong mỹ tục của xã hội, pháp luật Việt Nam.	
	Thanh tra Chính phủ	Việc hoàn thiện, xây dựng thể chế để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp Công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử số là nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, đề ra nhiều chủ trương, định hướng quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển (Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hoá đất nước, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư...). Trên cơ sở đó, việc xây dựng một khung khổ pháp lý hoàn chỉnh, phù hợp các quy định pháp luật có liên quan nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp số là rất cần thiết và phù hợp mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.	Thông nhất
	Thanh tra Chính phủ	Dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số điều chỉnh nhiều Luật khác nhau (Luật Công nghệ thông tin, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Quy hoạch, Luật Thuế thu nhập	Tiếp thu Việc xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số được thực hiện và tuân thủ theo đúng quy định của Luật Ban hành VBQPPL, trong đó bao

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		doanh nghiệp, Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài...), đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan để hoàn thiện dự thảo Luật báo cáo Chính phủ trình Quốc hội theo quy định.	gồm hoạt động lấy ý kiến nhân dân và các bộ, ngành, địa phương và đối tượng có liên quan
	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trong Dự thảo Luật có nhiều nội dung "Khuyến khích" (thuật ngữ này chỉ phù hợp với các chương trình/đề án) đề nghị xem xét thay bằng các nội dung quy định hoặc chính sách cụ thể	Tiếp thu Đã điều chỉnh hạn chế tối đa các từ "khuyến khích" thay thế bằng các hoạt động cụ thể.
	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Đề nghị xem xét cơ chế phối hợp liên bộ, liên ngành đối với những sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin có sự tham gia của nhiều bộ, ngành có liên quan nhằm triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ yêu cầu	Tiếp thu Trong dự thảo đã đưa ra hình thức phối hợp liên ngành giải quyết các vấn đề liên ngành liên quan đến lĩnh vực công nghệ công nghệ số thông qua Ủy ban thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số.
	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Đề nghị bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ với các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin thiết yếu của cơ quan nhà nước.	Tiếp thu Dự thảo đã có các quy định ưu tiên đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sản xuất trong nước, trọng điểm, trọng yếu khi sử dụng trong các cơ quan nhà nước.
	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Dự thảo Luật quy định nội dung về kinh phí tại nhiều điều, khoản: khoản 3, khoản 4 Điều 13; khoản 2, khoản 3 Điều 14; khoản 2 Điều 17; khoản 1 Điều 52;... Đề nghị cơ quan chủ trì	Tiếp thu: đã bỏ quy định kinh phí tại các Điều 13, 14 để đưa vào quy định tại Điều về phát triển CNCNS

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		soạn thảo nghiên cứu quy định nội dung về kinh phí tập trung tại một điều.	
	Bộ Nội vụ	Đề nghị tiếp tục rà soát nội dung dự thảo với quy định tại các luật chuyên ngành như: Luật Công nghệ thông tin, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ, các luật về thuế và các luật khác có liên quan bảo đảm tính thống nhất, phù hợp; Tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực; cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, phát triển công nghiệp công nghệ số; đồng thời bảo đảm không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào dự thảo Luật để thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	Tiếp thu Đã rà soát bảo đảm thống nhất với pháp luật chuyên ngành khác; đã thực hiện các quy định phân cấp phân quyền, cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho tổ chức cá nhân.
	Bộ Nội vụ	Tại Điều 19, Điều 35, Điều 37, Điều 42, Điều 47, Điều 54, đề nghị rà soát các quy định về nội dung giao cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, bảo đảm đúng thẩm quyền, không chồng lấn	Tiếp thu. Đã rà soát chỉnh sửa tại Dự thảo Luật
	Bộ Nội vụ	Đối với các nội dung mang tính chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành, đề nghị tiếp tục lấy ý kiến của các Bộ, ngành chức năng liên quan và	Tiếp thu Đã gửi xin ý kiến Bộ ngành, địa phương và các đối tượng liên quan.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		đổi tương chịu tác động, các chuyên gia, các nhà khoa học để hoàn thiện dự thảo Luật	
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị bổ sung Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật và Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.	Tiếp thu Đã có trong hồ sơ dự án Luật này.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị bám sát các nhóm chính sách đã được phê duyệt, các vấn đề/chính sách phát sinh cần phải giải trình, làm rõ trong Tờ trình. Về tổng thể, dự thảo Luật chỉ quy định về công nghiệp công nghệ số. Do đó, cần làm rõ các khái niệm mới, các chính sách/ưu đãi đặt ra gắn với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật; cũng như mối liên hệ với các Luật hiện hành (như Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Công nghệ cao, Luật Chuyên gia công nghệ...) vốn có nhiều quy định liên quan (ví dụ các công nghệ hay các chính sách ưu đãi, thúc đẩy) để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Ngoài ra, cần tham khảo thêm thông tin về kinh nghiệm quản lý, phát triển công nghiệp công nghệ số của một số quốc gia có các điều kiện tương đồng với Việt Nam để đảm bảo tính khả thi.	Tiếp thu Đã rà soát các nhóm chính sách, văn đề đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và tiếp thu kinh nghiệm quốc tế có liên quan; Đã bổ sung một số khái niệm mới; Các chính sách trong dự thảo đã được rà soát, tổng hợp, lựa chọn để quy định trong dự thảo để phù hợp với công nghiệp công nghệ số.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	- Đề nghị xem xét, làm rõ “công nghiệp bán dẫn” (mục 4, Điều 74-77), “trí tuệ nhân tạo” (mục 5, Điều 78-82) có phải là các ngành công nghiệp công nghệ số hay ngành công nghiệp tính khả thi.	Giải trình công nghiệp bán dẫn thuộc ngành công nghiệp công nghệ số tuy nhiên đây là ngành công nghiệp nền tảng cơ bản và có những đặc điểm

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		riêng và sự cần thiết phải luật hóa để có các quy định tương ứng.	riêng nên cần các cơ chế, chính sách đặc thù để thúc đẩy phát triển. Trí tuệ nhân tạo là một công nghệ số mới có tác động đến nhiều ngành, lĩnh vực nên cần có quy định quản lý riêng để thúc đẩy phát triển và hạn chế rủi ro.
	Bộ Công an	Tại phần I về sự cần thiết ban hành, đề nghị phân tích cụ thể hơn về các nội dung liên quan đến Luật Công nghệ thông tin năm 2006, đặc biệt là những quy định không còn phù hợp, những quy định cần được tiếp tục kế thừa trong Luật Công nghệ công nghệ số vì tại phần mục đích ban hành và quan điểm xây dựng Luật có nêu rõ Luật Công nghệ công nghệ số thay thế các nội dung về công nghệ công nghệ thông tin và dịch vụ công nghệ thông tin trong Luật Công nghệ thông tin, đồng thời, kế thừa có chọn lọc các quy định còn phù hợp của Luật Công nghệ thông tin và các văn bản hướng dẫn thi hành về công nghiệp công nghệ thông tin.	Giải trình. Nội dung làm rõ giữa Luật CNTT với Luật Công nghệ công nghệ số đã được nêu chi tiết tại Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghệ công nghệ số.
	Bộ Công an	Một số nội dung trong dự thảo Luật hiện còn quy định rất chung chung, mang tính liệt kê, chưa có định lượng, định tính hay quy định cụ thể để có thể áp dụng như mục 4 Chương III (thông minh hóa các ngành lĩnh vực thông qua hội tụ công nghệ số), mục 5 Chương III (thúc đẩy tiêu chuẩn hóa và chứng nhận cho công nghiệp công nghệ số). Do đó, đề nghị bổ sung	Tiếp thu Dự thảo đã bổ sung các quy định cụ thể về thông minh hóa, tiêu chuẩn, chứng nhận để tạo thuận lợi trong việc triển khai Luật

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		quy định cụ thể các nội dung này để bảo đảm thuận lợi, thống nhất khi triển khai thực hiện và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	
	Bộ Tài chính (bản dự thảo)	Tại dự thảo Luật có quy định một số điều có thể phát sinh các TTHC như: Thủ tục chấp thuận dịch vụ công nghệ số trọng yếu (khoản 4 Điều 11); Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ tân trang sản phẩm công nghệ số (Điều 47)... Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các Nghị định hướng dẫn Luật quy định cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Luật phải chuẩn bị báo cáo đánh giá tác động của chính sách, trong đó bao gồm nội dung về đánh giá tác động của TTHC để thực hiện chính sách (khoản 4 Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP). Do vậy, đề nghị Bộ TTTT bổ sung báo cáo đánh giá tác động chính sách (có nội dung về đánh giá tác động TTHC tại dự thảo Luật) trước khi gửi hồ sơ để Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.	Tiếp thu Đã bổ sung trong Báo cáo đánh giá tác động chính sách và Báo cáo đánh giá TTHC
	Bộ Tài chính (bản dự thảo)	Về chính sách ưu đãi thuế, phí và lệ phí (gọi chung là thuế) Đối với nội dung này, Bộ Tài chính đã nhiều lần đề nghị bỏ các nội dung về chính sách ưu đãi thuế tại dự thảo Luật. Tuy nhiên, ý kiến của Bộ Tài chính chưa được Bộ TTTT tiếp thu.	Tiếp thu, giải trình - Tiếp thu, đã bỏ nội dung tại khoản 6, Điều 15 - - Điều 18: Đã rà soát chỉnh sửa tại Điều 15 Dự thảo Luật. Tuy nhiên, BT TT đề xuất giữ các quy định đối với sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số là ngành,

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		Theo đó, Bộ Tài chính tiếp tục đề nghị Bộ TTTT bỏ các nội dung liên quan đến chính sách ưu đãi thuế (tại khoản 1, khoản 3 Điều 4; khoản 6 Điều 15; khoản 1, khoản 2, khoản 7, khoản 8 Điều 18; khoản 2 Điều 33; khoản 2 Điều 34; điểm c khoản 2 Điều 35; khoản 1, khoản 2, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 10 Điều 44; khoản 2, khoản 3 Điều 62; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 77; khoản 9, khoản 10 Điều 85) và thực hiện theo quy định pháp luật thuế hiện hành vì các lý do sau: - Pháp luật thuế hiện hành đã có nhiều chính sách ưu đãi ở mức cao nhất trong khuôn khổ pháp luật về thuế nhằm khuyến khích, thúc đẩy phát triển ngành khoa học, công nghệ thông tin nói chung và lĩnh vực công nghệ số nói riêng. Các chính sách ưu đãi thuế được thực hiện thống nhất, ổn định và không phát sinh vướng mắc trong thực tiễn, phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành khoa học, công nghệ thông tin nói chung và lĩnh vực công nghệ số nói riêng. - Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, trong đó có chỉ đạo mở rộng cơ sở thuế, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã	nghe đặc biệt ưu đãi đầu tư vì đây là sở cứ cần thiết để thúc đẩy ngành công nghiệp công nghệ số phát triển. Từ đó, là căn cứ đề sửa đổi các chính sách ưu đãi cụ thể tại pháp luật thuế, pháp luật đầu tư và pháp luật khác có liên quan. - - Tiếp thu, đã bỏ nội dung tại khoản 2, 3 Điều 62

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, đảm bảo tính trung lập của thuế và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030; Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội về thuế, phí như sau: Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế. - Tại điểm 1b Mục I Điều 1 Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 quy định: “Các chính sách thuế, phí và lệ phí (gọi chung là thuế) chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về thuế và được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính nhất quán về hiệu lực pháp lý giữa các luật thuế và các văn bản pháp luật có liên quan”. - Hiện nay, thực hiện Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc triển khai thực hiện Kết luận số 19-	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Tài chính đã và đang thực hiện nghiên cứu, rà soát, đánh giá tổng thể các Luật thuế để trình Bộ báo cáo Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung, đảm bảo phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 cũng như điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước, bám sát các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên.	
	Bộ Tài chính (bản dự thảo)	Về kinh phí NSNN cho hoạt động CNCNS: - Đề nghị sửa khoản 2 Điều 9 Dự thảo quy định thành: “Sản phẩm công nghệ số thuộc danh mục sản phẩm sản xuất trong nước để phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước và các dự án, nhiệm vụ chi sử dụng NSNN được ưu tiên đầu tư, mua sắm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước khi đáp ứng các tiêu chí về kỹ thuật; tỷ lệ chi phí sản xuất...” - Tại điểm a, khoản 3, Điều 13 và điểm a khoản 2 Điều 14 dự thảo quy định: “Ngân sách nhà nước cấp hàng năm” đề nghị sửa lại nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động như sau: “Ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo phân cấp quản lý của Luật NSNN” - Đề phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, đề nghị sửa lại quy định khoản 2 Điều	Tiếp thu, giải trình - Tiếp thu, và sửa khoản 2 Điều 9 bổ sung cụm từ “để phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước và các dự án, nhiệm vụ chi sử dụng NSNN” - Tiếp thu, đã chỉnh sửa Điều 13 và Điều 14 và bỏ các nội dung về kinh phí - Điều 19, Điều 20: Đã rà soát chỉnh sửa tại Điều 17, Điều 18 Dự thảo Luật. - Đối với quy định tỷ lệ hỗ trợ của nhà nước (tại khoản 3 Điều 14 dự thảo Luật): Tiếp thu, nội dung này đã bỏ trong dự thảo do không quy định kinh phí cho nội dung này. - Tiếp thu, đã chỉnh sửa Điều 59 như đề nghị - Tiếp thu, đã chỉnh sửa Điều 60 tương tự như sau: Đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		19 dự thảo Luật như sau: “Doanh nghiệp công nghệ số thực hiện dự án thuộc Danh mục các dự án trong các lĩnh vực công nghệ số trọng yếu, công nghệ số trọng điểm được thực hiện cấp bù lãi suất từ nguồn chi thường xuyên đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước hàng năm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ”. - Đề nghị bổ sung Điều 20 dự thảo Luật, quy định nguồn tài chính cho phát triển CNCNS như sau: “8. Vốn tín dụng của NHMTM. 9. Vốn đầu tư của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.” - Tại khoản 1, 2 Điều 52 dự thảo Luật quy định về việc bảo đảm kinh phí xây dựng, quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp hệ thống thông tin quốc gia về CNCNS như sau: “1. Kinh phí xây dựng, quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp hệ thống thông tin quốc gia về CNCNS được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn khác theo quy định của pháp luật. 2. Ngân sách trung ương bảo đảm cho các hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và phần mềm của Hệ thống thông tin quốc gia về CNCNS; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu CNCNS.” Đề nghị Bộ TTTT rà soát, làm rõ nội dung các	ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài - Tiếp thu, đã bỏ các quy định tại Khoản 3, Điều 14 và Khoản 2 Điều 77 Dự thảo Luật -(Khoản 1, 2 Điều 52) Tiếp thu, Dự thảo Luật đã sửa lại như sau “Toàn bộ kinh phí xây dựng, duy trì, quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.”

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		chi phí tại 2 mục trên, tránh trùng lặp. - Ngoài ra, căn cứ quy định tại Điều 9 Luật NSNN: “Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp”; đề nghị Bộ TTTT sửa lại quy định tại khoản 2 Điều 52 dự thảo Luật như sau: “Ngân sách trung ương bảo đảm bổ trí kinh phí cho các hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và phần mềm của Hệ thống thông tin quốc gia về CNCNS; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu CNCNS của các Bộ, cơ quan trung ương. Ngân sách địa phương bổ trí kinh phí cho các hoạt động này tại các đơn vị của địa phương.” - Tại Điều 59 Dự thảo Luật quy định về hỗ trợ tài chính và cơ sở vật chất cho các dự án nghiên cứu và phát triển, đề nghị sửa lại như sau: “1. Nhà nước NSNN bổ trí hỗ trợ một phần kinh phí từ lĩnh vực khoa học công nghệ để thực hiện chương trình hỗ trợ nghiên cứu phát triển, sản xuất mẫu sản phẩm công nghệ số	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		trọng điểm, trọng yếu trên cơ sở phân cấp ngân sách Trung ương và địa phương quản lý NSNN, đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội. 2. Ưu tiên bố trí kinh phí cho hoạt động nghiên cứu, phát triển CNCNS trong các Chương trình khoa học công nghệ cấp quốc gia. 3. Nhà nước hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng miễn phí phòng thí nghiệm dùng chung và hạ tầng thông tin khác để phục vụ nghiên cứu – phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số theo quyết định của TTCP.” - Tại khoản 3, Điều 60 dự thảo Luật quy định về nguồn tài chính thực hiện Chương trình nghiên cứu - phát triển công nghệ số, đề nghị bổ sung như sau: “... d) Nguồn tài chính của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước” - Ngoài ra, đối với quy định tỷ lệ hỗ trợ của nhà nước (tại khoản 3 Điều 14, khoản 2 Điều 77 dự thảo Luật): đề nghị làm rõ cơ sở đưa ra mức hỗ trợ; đồng thời đề nghị Bộ TTTT bổ sung quy định rõ thẩm quyền quyết định hỗ trợ (Chính phủ, TTCP, chủ tịch UBND,...).	- Tại khoản 3, Điều 16: Nội dung này đã bỏ trong dự thảo. Lý do: quy định về đặt hàng đã được nêu trong Luật đầu thầu. Hơn nữa, việc quy định chi tiết đã được giao trong Nghị
	Bộ Tài chính (bản dự thảo)	- Tại khoản 3, Điều 16 dự thảo quy định "Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan xây	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		dụng quy định về trình tự, thủ tục triển khai cơ chế đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số". Đối với nội dung này đề nghị chuyển Bộ TTTT hoặc Bộ KH&ĐT chủ trì, Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT và các bộ ngành liên quan phối hợp do các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thuộc lĩnh vực CNTT, KH&CN nên quy trình, thủ tục phải do các Bộ, ngành có chuyên môn chủ trì. - Tại khoản 1 Điều 43 dự thảo quy định Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thành lập, mở rộng khu công nghệ số đồng thời là Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ số. Đề nghị Bộ TTTT phối hợp với Bộ KH&ĐT rà soát quy trình thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ số đảm bảo các nội dung liên quan đến chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ số theo đúng quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công và các pháp luật liên quan.	Luật 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ. Do đó, nội dung đặt hàng không cần nêu ra tại dự thảo Luật này.
Bộ Công Thương		Về khái niệm (khoản 1 Điều 3) "công nghệ số bao gồm công nghệ thông tin, các công nghệ mới...". Như vậy, khái niệm "công nghệ số" đã bao trùm khái niệm "công nghệ thông tin". Dự thảo Tờ trình nêu rõ Luật Công nghiệp công nghệ số sẽ không thay thế toàn bộ Luật Công	Giải trình Luật Công nghiệp công nghệ số dự kiến sẽ thay thế các quy định về công nghiệp công nghệ thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin; các quy định khác về ứng dụng công nghệ thông tin tiếp tục được điều chỉnh bởi Luật

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		nghệ thông tin, tuy nhiên, khái niệm căn bản, cốt lõi là "công nghệ số" lại đang bao trùm cả "công nghệ thông tin" trong đó. Bộ Công Thương cho rằng cần thiết góp hai Luật làm một để thống nhất cách tiếp cận về vấn đề công nghệ, tránh việc tổ chức, doanh nghiệp không xác định được một sản phẩm công nghệ sẽ chịu chi phối với Luật Công nghệ thông tin hay Luật Công nghiệp công nghệ số.	Công nghệ thông tin. Dự kiến trong Luật Công nghiệp công nghệ số sẽ có các điều khoản thi hành, chuyển tiếp để đảm bảo hoạt động sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin sẽ được điều chỉnh bằng Luật này. Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tiếp tục được điều chỉnh bằng Luật Công nghệ thông tin. Nội dung này Bộ Thông tin và Truyền thông đã làm rõ trong quá trình lập đề nghị xây dựng Luật và được Chính phủ nhất trí thông qua và trình Quốc hội.
	Bộ Công Thương	Theo định nghĩa về công nghiệp công nghệ số (khoản 1 Điều 3), "công nghiệp bán dẫn" không thuộc phạm vi "công nghiệp công nghệ số". Từ trước đến nay, bán dẫn là phân ngành của công nghiệp điện tử, nên đề nghị làm rõ phạm vi, ranh giới giữa "công nghiệp điện tử" và "công nghiệp công nghệ số" để tránh sự chồng chéo sau này.	Giải trình Hiệp định công nghệ thông tin (ITA) của WTO mà Việt Nam đang tham gia có quy định danh mục sản phẩm công nghệ thông tin bao gồm các thiết bị điện tử. Về pháp luật Việt Nam các sản phẩm điện tử thuộc công nghiệp phần cứng theo pháp luật về công nghiệp công nghệ thông tin (Nghị định 71/2007/NĐ-CP); khái niệm "công nghiệp điện tử" hiện nay chưa có trong quy định Luật; Do đó, sản phẩm bán dẫn, công nghiệp bán dẫn, công nghiệp điện tử thuộc công nghiệp công nghệ số. Hiện nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đang được Chính phủ giao làm đầu mối về lĩnh vực bán dẫn và chủ trì xây

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
			dụng Chiến lược bán dẫn đến 2030, tầm nhìn đến 2050. Do vậy, việc pháp lý hóa công nghiệp bán dẫn trong Luật Công nghiệp công nghệ số là phù hợp với tính chất và mục tiêu quản lý.
	Bộ Công Thương	Dự thảo quy định các Bộ, ngành phải thực hiện rất nhiều nội dung liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước (xây dựng, ban hành, hướng dẫn, thúc đẩy, quản lý,). nhưng lại không có quy định cụ thể về danh mục các sản phẩm, dịch vụ số do các Bộ, ngành phụ trách. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung, xác định danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số này.	Giải trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, chủ tịch UBND tỉnh đã được chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực, địa bàn được phân công. Theo đó, danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được ứng dụng, hội tụ vào ngành, lĩnh vực, địa bàn nào thì chịu sự quản lý nhà nước của Bộ, ngành, địa phương đó. Ví dụ: danh mục, tiêu chuẩn, quy chuẩn, việc cấp phép thử nghiệm sản phẩm dịch vụ công nghệ số.
	Long An	Đề nghị rà soát đối chiếu dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số với các Luật khác để đảm bảo thống nhất, đồng bộ (Luật Đầu tư, Luật Viễn thông, Luật Khoa học và Công nghệ,...).	Tiếp thu Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật
	Gia Lai	- Tại Điều 4, Điều 35, đề nghị chỉnh sửa số thứ tự của các khoản.	Tiếp thu, đã chỉnh lý trong dự thảo Luật
	Thanh Hóa	- Trong dự thảo văn bản việc sử dụng danh từ "Thủ tướng", "Thủ tướng Chính phủ" chưa đồng nhất. Đề nghị rà soát và cập nhật lại thông tin.	Tiếp thu Đã thống nhất về sử dụng danh từ trong dự thảo Luật

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Thanh Hóa	- Đề nghị rà soát, nghiên cứu, lựa chọn và thống nhất cách viết các thuật ngữ: "Công nghiệp công nghệ số"/"công nghiệp công nghệ số"; "nghiên cứu, phát triển"/"nghiên cứu phát triển"/"nghiên cứu-phát triển" để đảm bảo tính thống nhất trong các nội dung của dự thảo văn bản.	Tiếp thu Đã chỉnh sửa và thống nhất về kỹ thuật trình bày
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Hiện tại công nghệ đã vượt xuyên biên giới, ngay cả các Bigtech không có chi nhánh hoạt động tại VN nhưng có những nền tảng cung cấp trực tuyến cho người dùng Việt Nam. Đề nghị trong dự thảo có nội dung quy định sẽ áp dụng quản lý như thế nào đối với đối tượng trên.	Giải trình Luật này có điều chỉnh đến các đối tượng là các Bigtech không có chi nhánh hoạt động tại Việt Nam nhưng có những nền tảng cung cấp trực tuyến cho người dùng Việt Nam.
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề xuất bổ sung chính sách thúc đẩy các hoạt động mua bán sáp nhập các Doanh nghiệp công nghệ (dự thảo chưa có)	Giải trình Hoạt động mua bán sáp nhập đã được điều chỉnh theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư và pháp luật khác có liên quan.
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề xuất bổ sung và định nghĩa về tiền số, các hoạt động liên quan đến quản lý tiền số	Giải trình Tiền số không nằm trong phạm vi của Luật này.
	Tập đoàn công nghiệp viên thông quân đội (Viettel)	Đề xuất nghiên cứu làm rõ những nguyên tắc cơ bản về tài sản số như quyền, nghĩa vụ của các Bên trong hoạt động kinh doanh tài sản số; nguyên tắc bảo vệ; nguyên tắc giám định số; nguyên tắc ủy thác..... để các doanh nghiệp thuận lợi hơn khi vận hành và áp dụng	Giải trình Dự thảo Luật đang giao Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng chính sách quản lý tài sản số. Do đó, các vấn đề như quyền sở hữu, cơ chế quản lý, biện pháp bảo vệ người tiêu dùng, giải

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		quy định luật. Lý do: Tài sản số, dù cũng là tài sản theo pháp luật dân sự, lại có một số đặc điểm khác biệt so với các loại tài sản truyền thống. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống pháp luật vẫn chưa có quy định về các nguyên tắc cơ bản làm nền tảng cho các giao dịch, chuyển quyền, nghĩa vụ của các loại tài sản này. Một số quốc gia hiện tại như Mỹ, Hongkong đã ban hành các sắc lệnh” Đảm bảo sự phát triển có trách nhiệm của tài sản kỹ thuật số” để đảm bảo tính pháp lý trong thị trường số này. Tại Việt Nam cũng có nhiều vụ việc liên quan tới Tài sản số đã được xử lý như vụ án truy thu thuế của thợ đào Bitcoin với Cơ quan thuế Bến Tre năm 2016 nhưng về quy định pháp lý cụ thể thì chưa rõ ràng về vấn đề tài sản số này. Vì vậy việc làm rõ định nghĩa, các nguyên tắc cơ bản về tài sản số sẽ giúp các doanh nghiệp đảm bảo pháp lý, nắm rõ chủ trương khi kinh doanh.	quyết tranh chấp nói riêng và khung pháp lý nói chung sẽ được hoàn thiện trong thời gian tới.
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Đề xuất bổ sung mô hình kinh doanh mới: VD Mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng, dữ liệu số.	Giai trình Dự thảo chỉ quy định liên quan đến hoạt động công nghiệp không quy định đến các mô hình kinh doanh, các nội dung này tuân thủ các quy định pháp luật về kinh doanh, thương mại và dữ liệu
	Tập đoàn công nghiệp viễn	Để những chính sách này dễ dàng được Chính phủ quy định cụ thể và áp dụng đúng đối	Tiếp thu Đã chỉnh sửa dự thảo quy định cụ thể đối

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	thông quan đội (Viettel)	tương, đạt mục tiêu của chương trình thì cần làm rõ: - Với chính sách hỗ trợ một phần kinh phí: cần cụ thể hóa quy định theo đối tượng, nhóm đối tượng được thụ hưởng và phạm vi chính sách này trong Luật, nhằm đảm bảo chính sách đột phá này có tác động tích cực trong thực hiện mục tiêu của Luật và được ưu tiên nguồn lực trong kế hoạch ngân sách Nhà nước. - Với chính sách ưu đãi thuế: Trong thực tế, doanh nghiệp công nghệ số có xu hướng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, kinh doanh trên thị trường cả trong và ngoài nước. Do đó, sẽ có cơ cấu sở hữu phức tạp (miêm yết trên sàn chứng khoán, có vốn đầu tư và cổ đông nước ngoài...). Vì vậy cần thiết phải làm rõ tiêu chí “doanh nghiệp Việt Nam” được hỗ trợ bởi chính sách này. - Đồng thời, cần xem xét lại tiêu chí đánh giá theo “số lượng doanh nghiệp Việt Nam trong tổng số doanh nghiệp tham gia và thực hiện hợp đồng lắp ráp, cung cấp linh kiện, nguyên vật liệu, dịch vụ sản xuất trong nước để sản xuất ra sản phẩm”. Lý do: Để chứng minh được, đơn vị sản xuất cần kiểm soát được toàn bộ chuỗi cung ứng để sản xuất ra sản phẩm. Đây là việc khó khăn với cả doanh nghiệp Việt Nam có quy mô sản xuất nhỏ và cả doanh nghiệp Việt Nam có chuỗi cung ứng phức tạp.	tương, nhóm đối tượng hưởng thụ và chính sách tương ứng

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Giải trình	Tiếp thu, giải trình
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Trong các sản phẩm và dịch vụ vụ công nghệ số sẽ có các sản phẩm và dịch vụ hướng đến cá nhân. Do đó, đề nghị bổ sung điều khoản, cơ chế về việc xử lý dữ liệu cá nhân đối với các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được cấp phép.		Giải trình Dữ liệu cá nhân không thuộc phạm vi của dự thảo Luật
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Cần có chính sách ưu tiên, tập trung vào các ngành lĩnh vực có sự tham gia, định hướng lớn của các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước như giao thông thông minh; y tế thông minh; giáo dục thông minh; năng lượng thông minh; đô thị thông minh. Các ngành trọng điểm này được sự đầu tư có trọng tâm, đi trước sẽ giúp đẩy nhanh quá trình thông minh hóa các ngành, lĩnh vực khác trong xã hội.		Tiếp thu Đã bổ sung quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ để thúc đẩy công nghệ số hội tụ vào các ngành, lĩnh vực khác tại Mục 4 Chương II (Thúc đẩy thông minh hoá các ngành, lĩnh vực)
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Với đặc thù là lĩnh vực công nghệ mới và phát triển rất nhanh, cần có chính sách ưu tiên đào tạo, tái đào tạo lực lượng lao động với các chương trình phù hợp, thời gian ngắn nhằm bổ sung, điều chỉnh năng lực cho lực lượng lao động đáp ứng nhu cầu công việc.		Tiếp thu Đã bổ sung những nội dung hỗ trợ đào tạo đánh giá kỹ năng nhân lực vào Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Bổ sung định nghĩa về "thiết bị số" Lý do: Trong dự thảo Luật chưa có định nghĩa về "thiết bị số"		Giải trình Thiết bị số đã được định nghĩa trong Luật CNTT (khoản 1 Điều 4) và là sản phẩm công nghệ số theo quy định tại khoản 5 Điều 3 dự thảo Luật
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Dự thảo luật được xây dựng với mục đích thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số và có		Tiếp thu Đã chỉnh sửa, bổ cục lại dự thảo Luật trong đó

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Thông quan đội (Viettel)	Lồng ghép một số nội dung quản lý việc phát triển công nghệ số. Tuy nhiên, các nội dung về quản lý và thúc đẩy đang được trình bày đan xen, gây sự khó khăn trong việc phân biệt đâu là quản lý (phải tuân thủ), đâu là thúc đẩy (chính sách khuyến khích). Đề nghị xem xét đối với các nội dung trong luật, thực hiện mô tả có sự phân biệt rõ ràng giữa quản lý và thúc đẩy (ví dụ: sau các nội dung mang tính chất định nghĩa sẽ đến các nội dung quản lý, sau đó đến các nội dung thúc đẩy). Đề xuất điều chỉnh tên các chương III và IV từ “THỨC DẦY” thành “QUẢN LÝ VÀ THỨC DẦY ...”	các chính sách ưu đãi nằm tại mục 2 Chương III (Thúc đẩy phát triển ngành công nghệ công nghệ số). Một số chính sách ưu đãi đặc thù cho khu công nghệ số, công nghiệp bán dẫn vẫn được giữ lại tại chính sách đó để thuận tiện, dễ tra cứu
	Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội (Viettel)	Về việc phạm vi điều chỉnh hoạt động điện toán đám mây Dự thảo quy định công nghệ số bao gồm điện toán đám mây, tuy nhiên điện toán đám mây đã được quy định tại Luật Viễn thông 2023 bao gồm định nghĩa điện toán đám mây, dịch vụ điện toán đám mây (Điều 3); cung cấp và sử dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây (Điều 29). Đề nghị rà soát phạm vi điều chỉnh của Dự thảo, tránh trùng lặp với quy định của Luật Viễn thông về điện toán đám mây.	Giải trình Điện toán đám mây tại Điều 3 đề cập là một trong các công nghệ số, không quy định về khái niệm, quy định quản lý
	Tập đoàn công nghiệp viễn	Về chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số Điều 24 Dự thảo quy định dữ liệu số đầu vào	Giải trình Dữ liệu cá nhân không thuộc phạm vi của Luật này

TT	Đơn vị góp ý thông quan đội (Viettel)	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		trong công nghiệp công nghệ số bao gồm dữ liệu cá nhân. Trên thực tế, để phục vụ cho nghiên cứu, phát triển các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo hỗ trợ trong hoạt động eKYC, y tế, phòng, chống tội phạm..., doanh nghiệp cần nguồn lực dữ liệu rất lớn. Do vậy, đề nghị bổ sung cơ chế, chính sách cho doanh nghiệp được sử dụng dữ liệu cá nhân cho các hoạt động nghiên cứu, chế tạo ra sản phẩm công nghiệp công nghệ số trên cơ sở dữ liệu được thu thập hợp pháp và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	
	Hội truyền thông số	Đề nghị toàn bộ các quy định ở dạng “Nhà nước có chính sách khuyến khích”, “Nhà nước khuyến khích”, “Nhà nước hỗ trợ” đưa ra nghĩa vụ cụ thể của cơ quan nhà nước liên quan trong việc hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp công nghệ số tại Luật Công nghiệp công nghệ số hoặc giao cho Chính phủ quy định chi tiết để sự khuyến khích của nhà nước trở nên cụ thể, thiết thực, khả thi trong thực tế. Hiện nay, trong Dự thảo luật, một số quy định khuyến khích đã được làm rõ như ở Mục 1 Chương III, tuy nhiên một số quy định khuyến khích chưa được làm rõ như ở Mục 1 Chương I.	Tiếp thu Đã rà soát, bổ sung và làm rõ các quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ hoặc nội dung cần yêu cầu Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn.
VIII		GÓP Ý DỰ THẢO TỜ TRÌNH	
		Bộ Tài Chính	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
GÓP Ý DỰ THẢO TỜ TRÌNH	Bộ Tài chính (bản dự thảo)	Tại Tờ trình Dự án Luật CNCNS, Bộ TTTT đã báo cáo về quá trình xây dựng dự án Luật trong đó đã triển khai các nội dung như: Rà soát, tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Luật Công nghệ thông tin và phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và nghiên cứu, tham khảo pháp luật, chính sách về công nghệ số, công nghệ thông tin của một số quốc gia, vùng lãnh thổ; tổ chức các hoạt động phục vụ cho việc nghiên cứu xây dựng dự án Luật, tổ chức nhiều cuộc tọa đàm, hội thảo với các chuyên gia về các nội dung sửa đổi, bổ sung của dự án Luật; các hoạt động khảo sát trong và ngoài nước,... Đề nghị Bộ TTTT cần báo cáo tại Tờ trình các bất cập, vướng mắc do quy định của Luật CNTT hiện hành và các vấn đề phát sinh trong thực tiễn để sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách mới thúc đẩy phát triển CNCNS số ở các lĩnh vực kinh tế, xã hội, xác định CNCNS là nền tảng, có tính đột phá để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số quốc gia và các nội dung khác theo đúng Kết luận của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 25/12/2022 của Văn phòng Chính phủ.	Giải trình. Tại Tờ trình trong Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật, Bộ TTTT đã báo cáo làm rõ mối quan hệ giữa Luật này với Luật CNTT và các pháp luật hiện hành có liên quan và đã được Chính phủ nhất trí và trình Quốc hội đưa Luật này vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
	Bộ Tài chính (bản dự thảo)	Ngoài ra, để có đầy đủ cơ sở đề các cơ quan liên quan tham gia ý kiến, đề nghị Bộ TTTT bổ sung đầy đủ hồ sơ dự thảo Luật trình Chính phủ theo quy định tại Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án, dự thảo (do dự thảo Luật có nhiều nội dung liên quan đến ưu đãi đầu tư theo pháp luật đầu tư và chính sách thuế, phí và lệ phí theo pháp luật thuế, phí và lệ phí).	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 59 Luật ban hành văn bản QPPL.
	Bộ Nội Vụ	Bộ Nội Vụ Thống nhất với Bộ Thông tin và Truyền thông về sự cần thiết xây dựng Hồ sơ dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số nhằm thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển ngành công nghiệp công nghệ số; khắc phục các hạn chế, bất cập hiện nay; mặt khác cần quy định cụ thể, tạo hành lang pháp lý rõ ràng để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số	
	Bộ Nội Vụ	Bộ Nội Vụ Đề nghị bổ sung cụ thể nội dung về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Luật sau khi được thông qua và các nội dung khác tại Tờ trình theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước)	Tiếp thu. Bộ TTTT đã tiếp thu và bổ sung nội dung này tại dự thảo Tờ trình Chính phủ.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	
	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch Tại khoản 1 Mục II (Mục đích ban hành văn bản): Hiện nay, với xu thế phát triển của công nghệ thì kỹ thuật số, công nghệ số trở thành đòi tương nghiên cứu của nhiều văn bản luật. Vì vậy đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông rà soát, xem xét bổ sung nội dung làm rõ việc ban hành Luật này để giải quyết vấn đề nào, đối tượng nào trong công tác quản lý mà chưa được điều chỉnh ở các luật khác (ví dụ Luật Công nghệ cao, Luật Công nghệ thông tin 67/2006/QH11, Luật Viễn thông số 41/2009/QH12, Luật Tần số và Vô tuyến điện số 42/2009/QH12, Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13, Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14...).	Giải trình. Nội dung này đã được làm rõ tại Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số nên không đưa vào Tờ trình dự thảo Luật (đã được xây dựng theo đúng mẫu quy định).
	Bộ Tài nguyên môi trường	Bộ Tài nguyên môi trường Tiểu mục 2.2 mục 2 Phần I, đề nghị xem lại nội dung cho thống nhất với tên tiêu đề của Tiểu mục này. Đề nghị phân tích, làm rõ sự cần thiết ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số tạo hành lang pháp lý thúc đẩy phát	Tiếp thu. Bộ TTTT đã tiếp thu điều chỉnh nội dung này trong dự thảo Tờ trình.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		triển công nghiệp công nghệ số thành một ngành kinh tế có đóng góp lớn cho kinh tế đất nước.	
	Bộ Tài nguyên môi trường	Ngoài ra, đề nghị phân tích hành lang pháp lý hiện hành đã có các luật liên quan như: Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Luật Công nghệ cao năm 2008, Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017,... và vẫn cần thiết phải ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số.	Giải trình. Nội dung này đã được làm rõ tại Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số nên không đưa vào Tờ trình dự thảo Luật (đã được xây dựng theo đúng mẫu quy định).
	Bộ Tài nguyên môi trường	Mục 1 Phần VI, đề nghị xem xét bổ sung cụ thể dự kiến các nguồn lực bảo đảm cho việc thi hành Luật sau khi được thông qua.	Tiếp thu. Bộ TTTT đã tiếp thu và bổ sung nội dung này tại dự thảo Tờ trình Chính phủ.
	Bộ Công Thương	Bộ Công Thương Nêu rõ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số đã được thông qua tại văn bản nào, bao gồm các chính sách cụ thể nào, tương ứng với nhóm nội dung nào tại dự thảo Luật.	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung nội dung này trong dự thảo Tờ trình. Đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 theo Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 của Quốc hội. Trong phần Bộ cục của Tờ trình đã nêu rõ các nhóm chính sách chính được Chính phủ phù thống nhất thông qua.
	Bộ Công Thương	Khoản 2 Mục I Chương I: "...các quy định còn phù hợp của Luật Công nghệ thông tin và các văn bản hướng dẫn thi hành về công nghiệp	Giải trình Hiệp định công nghệ thông tin (ITA) của WTO mà Việt Nam đang tham gia có quy định

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		công nghệ thông tin...". Trước đây, phạm vi giữa "công nghiệp công nghệ thông tin" và "công nghiệp điện tử" khá rõ ràng. Khi chuyển từ "công nghiệp công nghệ thông tin" sang "công nghiệp công nghệ số" thì phạm vi có thay đổi hay giữ nguyên, có sự chồng chéo nào giữa công nghiệp công nghệ số và công nghiệp điện tử không?	danh mục sản phẩm công nghệ thông tin bao gồm các thiết bị điện tử. Về pháp luật Việt Nam: các sản phẩm điện tử thuộc công nghiệp phần cứng theo pháp luật về công nghiệp công nghệ thông tin (Nghị định 71/2007/ND-CP); khái niệm "công nghiệp điện tử" hiện nay chưa có trong quy định Luật; Do đó, sản phẩm bán dẫn, công nghiệp bán dẫn, công nghiệp điện tử thuộc công nghiệp công nghệ số. Hiện nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đang được Chính phủ giao làm đầu mối về lĩnh vực bán dẫn và chủ trì xây dựng Chiến lược bán dẫn đến 2030, tầm nhìn đến 2050. Do vậy, việc pháp lý hóa công nghiệp bán dẫn trong Luật Công nghiệp công nghệ số là phù hợp với tính chất và mục tiêu quản lý.
	Bộ Công Thương	Tại 2.2 Khoản 2 Mục I Chương V: "Về loại hình hoạt động công nghiệp công nghệ số: bao gồm hoạt động công nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ số và hoạt động cung cấp dịch vụ công nghệ số. Đây là quy định được xây dựng dựa trên loại hình tham khảo kinh nghiệm quốc tế 2008 của Liên Hợp Quốc; Tiêu chuẩn phân loại công nghiệp toàn cầu 2018) và kế thừa phân loại ngành công nghiệp CNTT và dịch vụ CNTT trong Luật Công nghệ thông tin năm 2006". Việt Nam đã có hệ thống phân loại	Giải trình Ngành công nghiệp công nghệ số là sự phát triển tiếp theo của ngành công nghiệp công nghệ thông tin, theo đó các nội hàm về sản xuất và cung cấp dịch vụ tiếp tục được kế thừa và có bổ sung một số công nghệ mới để phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		VSIC dựa trên ISIC, đề nghị nêu rõ mã ngành ISIC/VSIC của "công nghiệp công nghệ số" trong Tờ trình để làm rõ phạm vi giữa công nghiệp công nghệ số với các hoạt động công nghiệp khác.	
	Bộ Công Thương	Tại 2.3 Khoản 2 Mục I Chương V: " Về hỗ trợ Doanh nghiệp công nghệ số, dự kiến gồm các nội dung: chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. để làm rõ sự cần thiết hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số, dự thảo Tờ trình cần cung cấp thêm thông tin về vai trò của doanh nghiệp công nghệ số như: số lượng doanh nghiệp, số lao động tạo ra, mức đóng góp về kinh tế - xã hội, mức độ lan toả và xu hướng phát triển trong giai đoạn tới.	Tiếp thu. Trong dự thảo Tờ trình đã bổ sung thông tin về hiện trạng ngành công nghiệp công nghệ số, trong đó có số lượng doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam, số lượng nhân lực công nghệ số.
	Bộ Công Thương	Về nội dung "Quy định về tài sản số: đây là nội dung mới trên cơ sở ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp, ...": đề nghị bổ sung thêm chủ trương của cấp có thẩm quyền đối với loại tài sản này. Đồng thời, cần phải đánh giá tác động kỹ lưỡng, cụ thể đối với loại tài sản này, đưa ra dẫn chứng cụ thể các loại hình được coi là tài sản số trong thực tiễn và nhu cầu phải quản lý đối với loại tài sản này.	Tiếp thu Đã bổ sung trong dự thảo Tờ trình và báo cáo đánh giá tác động chính sách
	Bộ Công Thương	Về nội dung "Ủy ban thúc đẩy công nghiệp công nghệ số quốc gia": Đề nghị bổ sung sự cần thiết thành lập, bản chất pháp lý,... của Ủy	Tiếp thu. Bộ TTTT đã bổ sung nội dung này trong dự thảo Tờ trình.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		ban. Đây là nội dung mới nhưng được đề cập tương đối mờ nhạt tại dự thảo Tờ trình.	
		Địa phương	
		Kon Tum	
	Kon Tum	Theo quy định tại Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định: Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như: Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông...; Ưu tiên nguồn lực cho triển khai một số chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia về các công nghệ ưu tiên, trọng tâm là: Công nghệ thông tin và truyền thông. Vì vậy, việc ban hành dự thảo Luật công nghiệp công nghệ số là phù hợp và cần thiết.	Tiếp thu.
		Cần Thơ	
	Cần Thơ	5. Trong dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số thì đề cập đến công nghệ số; Luật Công nghệ thông tin đề cập đến công nghệ thông tin do vậy trong Tờ trình nói rõ thêm về hướng tới Luật CNTT có sửa đổi và bổ sung hay theo hướng nào	Giải trình. Bộ TTTT đã báo cáo làm rõ nội dung này trong quá trình lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.
		Lai Châu	
	Lai Châu	Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa một số cụm từ: “thúc đẩy” thành “thúc đẩy” (Tại mục 2 phần	Tiếp thu và đã chuẩn hóa các nội dung này.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung được góp ý	Tiếp thu, giải trình
		II), “phạm vi điều chỉnh” thành “phạm vi điều chỉnh” (tại tiểu mục 2.1 mục 2 phần V);	